

Kinh tế vĩ mô 2 tháng đầu năm 2021: Những điểm nổi bật

Những điểm nổi bật của kinh tế, giá cả, tài chính tiền tệ quốc tế

- Kinh tế Mỹ tiếp tục ghi nhận diễn biến kinh tế tích cực; Hoạt động sản xuất tiếp tục khởi sắc tại khu vực Châu Âu; Kinh tế Nhật Bản chưa có thêm diễn biến mới; Kinh tế Trung Quốc đang có tín hiệu thiếu tích cực trước sự xuất hiện trở lại của dịch bệnh;
- Chỉ số giá cả hàng hóa liên tục tăng trong 2 tháng đầu năm, trong đó chỉ số giá của nhóm hàng năng lượng có tốc độ tăng mạnh nhất;
- Lãi suất toàn cầu có xu hướng tăng, chỉ số lãi suất toàn cầu trong 2 tháng đầu năm ở mức 4,85%;
- Đồng USD phục hồi nhẹ; Đồng EUR và đồng GBP diễn biến trái chiều; Đồng JPY liên tục giảm trong 2 tháng; Đồng CNY tiếp tục tăng mạnh trong tháng giao dịch đầu năm; Giá vàng giảm mạnh, giảm hơn 8% đối với giá vàng giao ngay;
- Thị trường chứng khoán toàn cầu tiếp tục tăng điểm, chỉ số chứng khoán toàn cầu MSCI ACWI trong 2 tháng đầu năm tăng 1,68%.

Những điểm nổi bật của kinh tế trong nước

- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng cao so với cùng kỳ năm trước; Các điều kiện kinh doanh tiếp tục được cải thiện;
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 5,49% so với cùng kỳ năm trước;
- Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN tăng 10,6% so với cùng kỳ; Vốn đầu tư nước ngoài giảm 15,6% so với cùng kỳ;
- Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 2 tháng đầu năm giảm 0,14% so với cùng kỳ;
- Tổng thu, tổng chi NSNN qua 2 tháng đầu năm đều tăng so với cùng kỳ;
- Lãi suất huy động tiếp tục giảm, lãi suất cho vay duy trì xu hướng ổn định, lãi suất liên ngân hàng có diễn biến tăng đối với kỳ hạn ngắn;
- Tỷ giá điều hành ổn định, tỷ giá giao dịch đã có diễn biến trái chiều; Giá vàng diễn biến ngược chiều với giá vàng quốc tế;
- Thị trường chứng khoán Việt Nam diễn biến tích cực, chỉ số VN-Index của tháng 2 đạt 1.168,47 điểm.

KINH TẾ THẾ GIỚI

1. Kinh tế thế giới

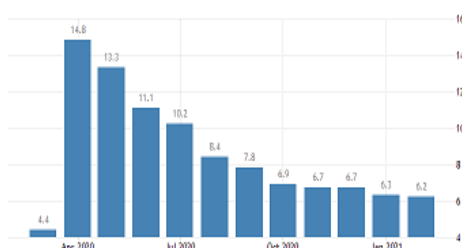
Kinh tế Mỹ tiếp tục ghi nhận diễn biến kinh tế tích cực

Trong 2 tháng đầu năm 2021, kinh tế Mỹ tiếp tục chứng kiến diễn biến mở rộng mạnh trong khu vực sản xuất và dịch vụ. Cụ thể, chỉ số PMI trong lĩnh vực sản xuất lần lượt đạt 59.2 điểm và 58.6 điểm – phản ánh mức độ cải thiện mạnh trong hoạt động sản xuất - là tín hiệu lạc quan hơn rất nhiều so với những tháng đầu năm 2020. Sự mở rộng trong khu vực sản xuất phù hợp với kỳ vọng của thị trường, được hỗ trợ bởi xu hướng gia tăng của nhu cầu nội địa và nhu cầu bên ngoài trong bối cảnh sự gián đoạn của chuỗi cung ứng vẫn tồn tại. Bên cạnh đó, chỉ số PMI trong lĩnh vực dịch vụ cũng có diễn biến tăng ổn định trong 2 tháng, lần lượt ở mức 58.3 điểm và 59.8 điểm, trong đó, đáng chú ý là sự gia tăng của các hoạt động kinh doanh mới.

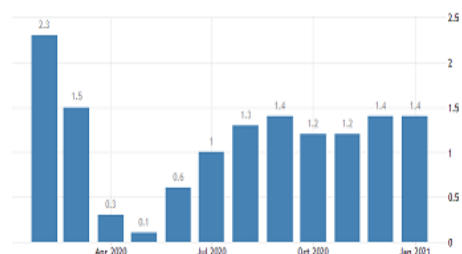
Ngoài ra, hoạt động tiêu dùng trong nền kinh tế cũng tăng tốc mạnh mẽ, doanh số bán lẻ của Mỹ hiện đã có được tốc độ tăng trưởng dương sau 3 tháng tăng trưởng âm liên tiếp, doanh số bán lẻ hàng hóa tiêu dùng tăng 5,3% - cao hơn rất nhiều so với dự báo. Diễn biến tích cực này được hỗ trợ rất nhiều bởi các gói kích thích kinh tế của Chính phủ.

Tỷ lệ thất nghiệp cũng có diễn biến ổn định trong 2 tháng đầu năm, hiện ở mức 6,2% - giảm 0,5 điểm phần trăm so với cuối năm 2020. Đồng thời, tỷ lệ lạm phát tiếp tục ổn định ở mức 1,4%.

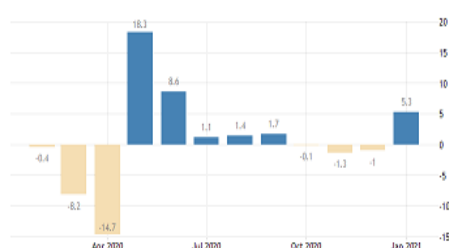
Tỷ lệ thất nghiệp (% yoy)



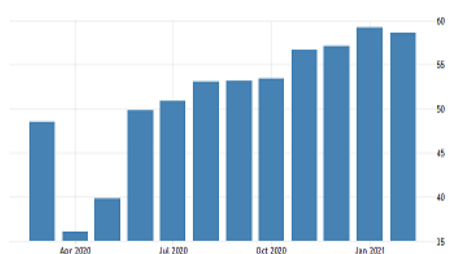
Diễn biến lạm phát (% yoy)



Doanh số bán lẻ hàng hóa (% mom)



Chỉ số PMI sản xuất



Nguồn: Trading economics

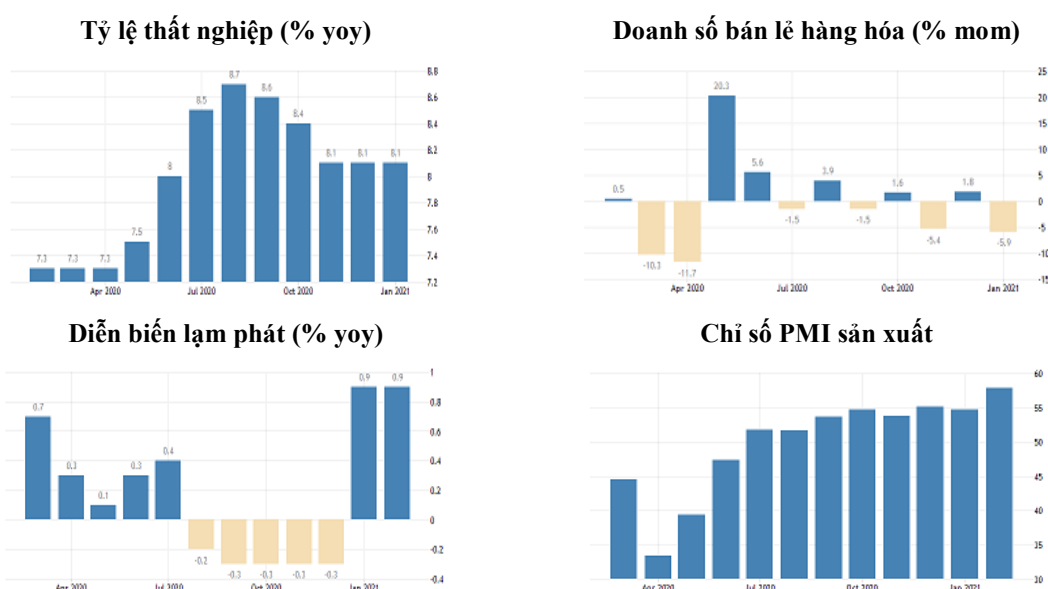
Hoạt động sản xuất tiếp tục khởi sắc tại khu vực Châu Âu

Trong bối cảnh dịch bệnh bùng phát mạnh mẽ trong 2 tháng đầu năm, các hoạt động kinh tế của khu vực Châu Âu tiếp tục bị ảnh hưởng nặng nề trước các quyết định giãn cách xã hội tại nhiều nền kinh tế trong khu vực. Đáng chú ý là các hoạt động dịch vụ và tiêu thụ hàng hóa trong nền kinh tế. Theo đó, chỉ số PMI trong lĩnh vực dịch vụ vẫn ở ngưỡng thu hẹp trong 6 tháng liên tiếp, lần lượt ở mức 45.4 điểm

và 45.7 điểm. Tiếp đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa cũng có diễn biến không ổn định, hiện ở mức -5,9%. Thực tế này cũng được phản ánh thông qua diễn biến của chỉ số niềm tin người tiêu dùng tiếp tục ở mức âm, mặc dù đã có tín hiệu cải thiện nhẹ trong tháng 2, lần lượt đạt mức -15,5 và -14,8.

Mặc dù vậy, tín hiệu khả quan tiếp tục xuất hiện trong khu vực sản xuất, cụ thể là chỉ số PMI trong lĩnh vực này tăng tốc mạnh mẽ trong 2 tháng từ 54.8 điểm trong tháng 1 lên 57.9 điểm trong tháng 2 – mức tăng mạnh nhất kể từ năm ngoái. Khu vực sản xuất được cải thiện với sự tăng tốc của sản lượng và các hoạt động kinh doanh mới, đặc biệt là tại các nền kinh tế lớn như Đức, Pháp, Ý với chỉ số PMI sản xuất trong khoảng 55 – hơn 60 điểm trong tháng 2.

Ngoài ra, lạm phát cũng đã kết thúc tình trạng giảm phát kéo dài trong 5 tháng, hiện lạm phát tháng 2 tăng 0,9% - mức cao nhất kể từ tháng 2/2020. Tỷ lệ thất nghiệp không thay đổi so với cuối năm 2020, hiện ở mức 8,1%.



Nguồn: Trading economics

Kinh tế Nhật chưa thêm diễn biến mới

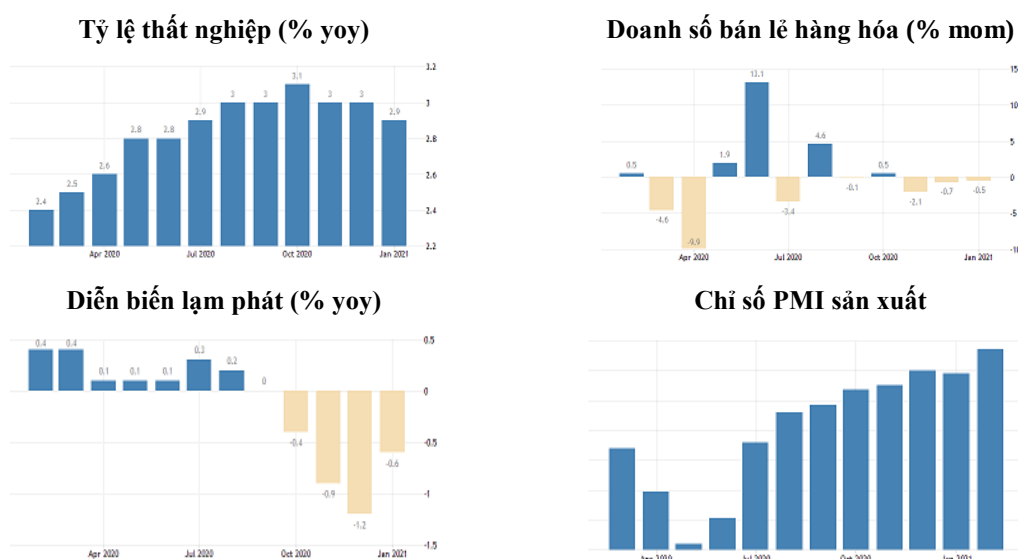
Trong 2 tháng đầu năm, khi dịch bệnh có thêm những diễn biến phức tạp tại Tokyo và nhiều tỉnh thành quan trọng khác, nhiều biện pháp khẩn cấp đã được triển khai để hạn chế sự lây lan của virus. Thực tế đó tiếp tục tạo áp lực cho các diễn biến kinh tế quan trọng tại Nhật. Cụ thể, chỉ số PMI trong lĩnh vực dịch vụ do Jibun Bank công bố chưa thể chạm đến ngưỡng mở rộng, thậm chí có xu hướng thu hẹp mạnh hơn qua 2 tháng, lần lượt ở mức 46.1 điểm và 46.3 điểm. Bên cạnh đó, chỉ số PMI trong lĩnh vực sản xuất chưa giữ được sự ổn định kể từ cuối năm ngoái, chỉ số này đã giảm so với tháng 12/2020 ở mức 49.8 điểm trong tháng 1 và đang ở mức 51.4 điểm trong tháng 2.

Ngoài ra, khu vực tiêu dùng vẫn tiếp tục có diễn biến âm ảm, tăng trưởng doanh thu bán lẻ theo tháng vẫn ở mức âm trong khi chỉ số niềm tin tiêu dùng đã tăng lên mức 33.8 điểm – là mức cao nhất kể từ tháng 2 năm ngoái. Trong khi đó, chỉ số giá

tiêu dùng – CPI tiếp tục có mức tăng trưởng âm kéo dài, đạt -0,6% so với cùng kỳ. Mặc dù vậy, diễn biến này đã cải thiện gần một nửa so với mức giảm của tháng trước.

Hoạt động thương mại tiếp tục bị ảnh hưởng bởi diễn biến của dịch bệnh, tuy nhiên, thâm hụt cán cân thương mại đã thu hẹp đáng kể so với cùng kỳ năm ngoái, ở mức 320 tỷ Yên¹. Trong đó, hoạt động xuất khẩu tăng 6,4% và hoạt động nhập khẩu giảm 9,5%.

Tỷ lệ thất nghiệp đã giảm xuống 2,9% vào tháng 1/2021, thấp hơn 0,1 điểm phần trăm so với cuối năm ngoái.



Nguồn: Trading economics

Kinh tế Trung Quốc đang có tín hiệu thiếu tích cực từ khu vực sản xuất và phi sản xuất

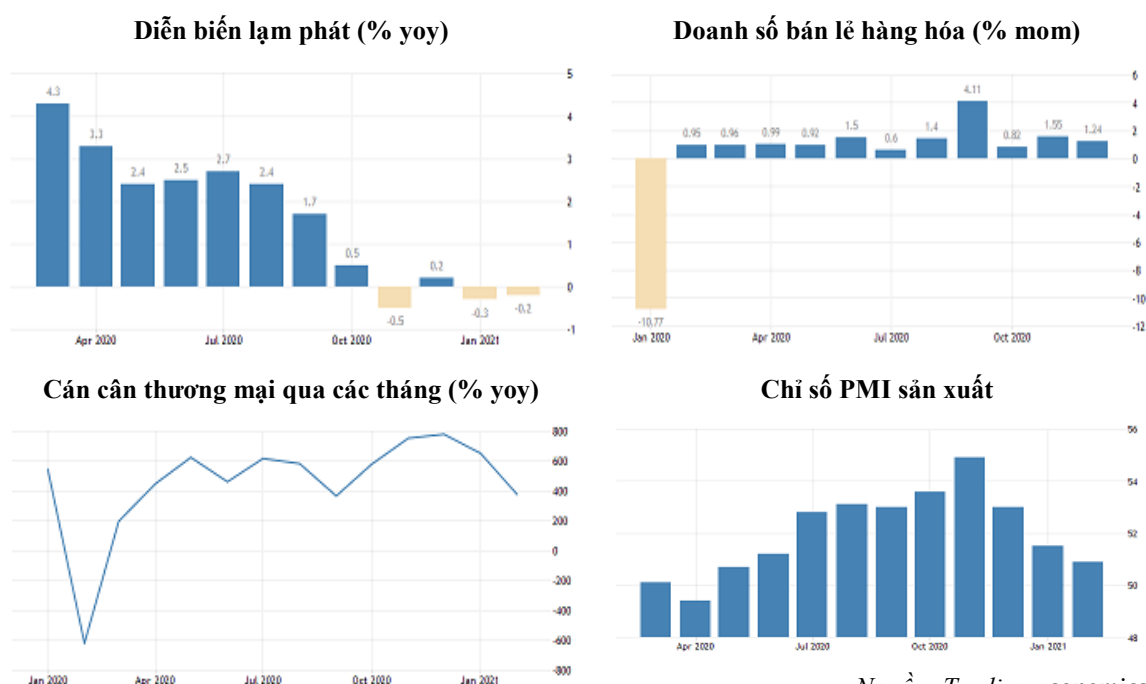
Trong 2 tháng đầu năm, diễn biến của khu vực sản xuất và phi sản xuất của Trung Quốc đang có xu hướng thu hẹp so với cuối năm ngoái, thậm chí đã đạt ngưỡng điểm thấp nhất kể từ thời điểm bùng phát dịch bệnh vào đầu năm 2020. Cụ thể, chỉ số PMI trong lĩnh vực sản xuất do Tổng cục Thống kê của Trung Quốc công bố đã liên tục giảm qua các tháng, lần lượt là 51.5 điểm và 50.9 điểm – hiện ở mức thấp nhất kể từ tháng 5/2020. Tiếp đến chỉ số PMI phi sản xuất cũng có chung xu hướng, lần lượt đạt 52.4 điểm và 51.4 điểm – thấp hơn khoảng 4 điểm so với những tháng cuối năm ngoái. Diễn biến thiếu tích cực trên được giải thích là do sự bùng phát trở lại của dịch bệnh tại một số vùng tại Trung Quốc, đặc biệt vào các dịp lễ hội đón chào Tết Nguyên đán đã dẫn đến tình trạng thu hẹp hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, chỉ số giá tiêu dùng đã có 02 tháng giảm liên tiếp so với cùng kỳ, lần lượt ở mức -0,3% và -0,2%.

Mặc dù vậy, hoạt động thương mại của Trung Quốc tiếp tục có diễn biến tích cực, cán cân thương mại đã thặng dư khoảng 103,25 tỷ USD trong 2 tháng đầu

¹ Thâm hụt thương mại tại Nhật trong tháng 1/2020 đã đạt mức cao kỷ lục là 1.315 tỷ JPY

năm – tăng mạnh so với tình trạng thâm hụt của cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, hoạt động xuất khẩu 2 tháng đầu năm tăng 60,6% so với cùng kỳ - kéo dài chuỗi tăng trong 8 tháng liên tiếp, bên cạnh đó, hoạt động nhập khẩu tăng 22,2% so với cùng kỳ năm ngoái.



Nguồn: Trading economics

Chỉ số giá cả hàng hóa liên tục tăng trong 2 tháng đầu năm

Chỉ số giá cả hàng hóa toàn cầu đã tăng trong 2 tháng đầu năm – diễn biến ngược chiều so với cùng kỳ năm ngoái. Theo số liệu công bố của World Bank, chỉ số giá theo tháng của tất cả các nhóm hàng đều giữ được xu hướng tăng qua từng tháng ngoại trừ nhóm hàng kim loại quý. Diễn biến tăng của giá cả hàng hóa toàn cầu trong 2 tháng vừa qua chủ yếu là do nhu cầu hàng hóa, nguyên vật liệu sản xuất đã gia tăng trở lại theo quy luật trong khi sự gián đoạn của các chuỗi cung ứng vẫn còn tồn tại. Ngoài ra, sự lạc quan về đà phục hồi của kinh tế thế giới khi các nước bắt đầu triển khai tiêm chủng vaccine để kiểm soát dịch bệnh cũng có ảnh hưởng đến xu hướng tăng của giá cả hàng hóa toàn cầu.

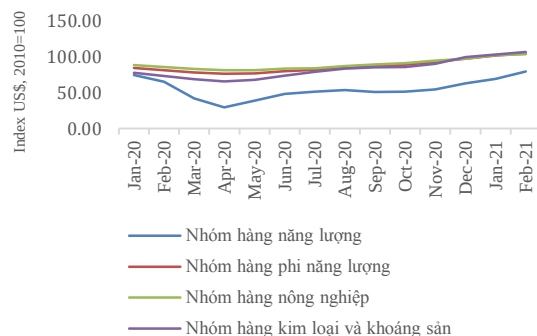
Qua 2 tháng đầu năm, chỉ số giá của nhóm hàng năng lượng đã có tốc độ tăng theo tháng mạnh nhất, lần lượt tăng hơn 10% và 14%. Trong đó, giá dầu WTI và dầu Brent bình quân tăng hơn 12 \$/thùng so với cuối năm 2020, đến cuối tháng 2/2021 giá giao dịch bình quân ở mức 59,06 \$/thùng và 61,96 \$/thùng.

Tiếp theo chỉ số nhóm hàng phi năng lượng cũng tăng khoảng 7% so với cuối năm ngoái và cũng có được diễn biến tăng qua các tháng. Trong đó, nhóm hàng nông nghiệp tăng khoảng 6%, ghi nhận mức tăng mạnh nhất của chỉ số giá nhóm hàng ngũ cốc ở mức 15%; chỉ số giá nhóm hàng phân bón tăng gần 27% và của nhóm hàng kim loại và khoáng sản tăng khoảng 7%.

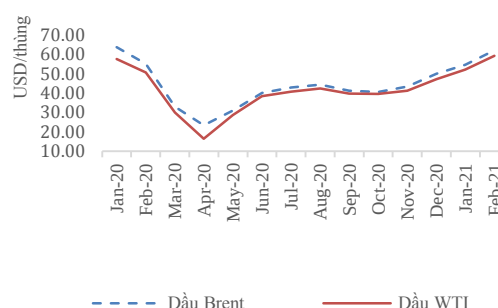
Cuối cùng, chỉ số nhóm hàng kim loại quý đã giảm hơn 0,4% so với tháng 12/2020, trong đó tăng khoảng 1% trong tháng 1 và giảm hơn 1% trong tháng

2. Trong nhóm kim loại quý, vàng đã có 02 tháng giảm giá trong khi giá bình quân giao dịch của nhóm hàng platinum và bạc lại có diễn biến tăng liên tục và cùng tăng mạnh trong tháng 2, thiết lập mức giá bình quân vào cuối tháng là 1.206,7 \$/ounce và 27,29 \$/ounce.

Diễn biến chỉ số giá hàng hóa chung



Diễn biến giá dầu bình quân



Nguồn: worldbank.org

2. Điều hành chính sách của NHTW các quốc gia

**Lãi suất
toàn cầu có
xu hướng
tăng**

Trong 2 tháng đầu năm 2021, một số NHTW trên thế giới đã điều chỉnh tăng, giảm lãi suất chính sách, cụ thể có 03 NHTW tiếp tục điều chỉnh giảm lãi suất đó là Mexico, Indonesia, Romania với tổng mức điều chỉnh giảm 350 điểm cơ bản. Trong khi đó, có khoảng 07 NHTW (chủ yếu là ở các quốc gia thuộc Nam Phi và Liên Xô cũ) đã tiến hành tăng lãi suất lên tới 950 điểm cơ bản, ghi nhận mức điều chỉnh mạnh nhất của Mozambique trong tháng 1 khi lạm phát tăng cao. Trong 2 tháng đầu năm, chỉ số lãi suất toàn cầu (GMPR) do Central Bank News thống kê ở mức 4,85%, giảm 0,67 điểm phần trăm so với cuối năm ngoái.

Diễn biến điều hành CSTT của các nước lớn có một số điểm đáng chú ý sau:

- Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed) tiếp tục duy trì mức lãi suất cho vay ở mức 0% khi nền kinh tế vẫn đang hứng chịu những hậu quả tồi tệ trước những tác động của bệnh dịch, lạm phát vẫn còn thấp và triển vọng kinh tế không chắc chắn. Tuy nhiên, bước sang tháng 2, Fed cũng chịu áp lực lớn trước kỳ vọng của thị trường về việc sẽ tăng lãi suất điều hành nhanh hơn kế hoạch khi lợi tức trái phiếu Chính phủ, đặc biệt ở các kỳ hạn dài đã tăng mạnh.
- NHTW Châu Âu – ECB tiếp tục giữ nguyên các lãi suất chủ chốt ở mức thấp kỷ lục. Cụ thể, ECB quyết định duy trì lãi suất đối với hoạt động tái cấp vốn là 0%, lãi suất cho vay ở mức 0,25% và lãi suất tiền gửi là -0,5%.
- NHTW Nhật Bản - BOJ tiếp tục gặp khó khăn trong việc nâng tỷ lệ lạm phát lên mức mục tiêu là 2% trước tác động của đại dịch Covid-19. NHTW sẽ không thu hẹp quy mô nới lỏng tiền tệ nhưng sẽ tăng cường tính linh hoạt của các chính sách để có thể nhanh chóng ứng phó với các cú sốc kinh tế. BOJ tiếp tục duy trì lãi suất ngắn hạn ở mức - 0,1%, lãi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn

10 năm ở mức 0%.

- Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ thận trọng, linh hoạt, chính xác, hợp lý và vừa phải; hỗ trợ hơn nữa cho các doanh nghiệp tư nhân có quy mô nhỏ, đẩy mạnh tín dụng cho các lĩnh vực công nghệ, sản xuất và phát triển xanh; tiếp tục giảm chi phí vay vốn cho các doanh nghiệp trong năm 2021.

3. Diễn biến thị trường ngoại hối

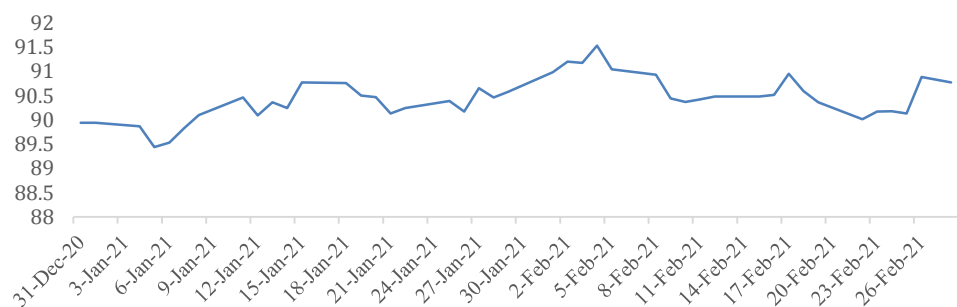
**Đồng
phục
nhẹ** **USD
hồi**

Đồng bạc xanh đã tăng nhẹ hơn 1% đối với cả USD Index giao ngay và kỳ hạn qua 2 tháng đầu năm – diễn biến này đang hình thành xu hướng hồi phục của đồng USD mặc dù mức tăng vẫn thấp hơn so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, đồng USD đã tăng lần lượt lớn hơn 0,7% và hơn 0,3% trong tháng 1 và tháng 2. Chỉ số USD đã có diễn biến tăng, giảm đan xen là chủ yếu, các chuỗi giảm xuất hiện thường kéo dài từ 03 – 04 ngày giao dịch với mức giảm lớn nhất khoảng 0,5%/ngày. Bên cạnh đó, mức giá giao dịch cao nhất trong 2 tháng là 91.6 và thấp nhất là 89.21.

Diễn biến tích cực của đồng USD trong những tháng đầu năm được kích hoạt chủ yếu bởi các diễn biến tích cực ở trong nước. Cụ thể là các chính sách kiểm soát và ngăn chặn dịch bệnh quyết liệt của tân Tổng thống Joe Biden. Trong đó, đáng chú ý là việc nỗ lực tiêm chủng vaccine được triển khai trên diện rộng; diễn biến cải thiện của các khu vực kinh tế và việc làm; gói hỗ trợ kinh tế trị giá 1.900 tỷ USD đã được Hạ Viện thông qua; và xu hướng tăng mạnh của lãi suất trái phiếu Chính phủ. Bên cạnh đó, nhu cầu đầu tư tài sản an toàn, kỳ vọng của người dân về những thay đổi chính sách của Fed cũng có ảnh hưởng nhất định đến sự dịch chuyển của đồng bạc xanh vào một số thời điểm giao dịch.

Kết thúc tháng 2, chỉ số USD Index đã có được mức tăng mạnh nhất theo ngày giao dịch ở mức 0,83% và chốt tỷ giá giao ngay và kỳ hạn lần lượt ở mức 90.88 và 90.882.

Diễn biến chỉ số USD Index



Nguồn: *investing.com*

***Đồng EUR và
đồng GBP
diễn biến trái
chiều***

Trong 2 tháng đầu năm, Châu Âu và Anh tiếp tục hứng chịu những diễn biến phức tạp hơn của dịch bệnh dẫn đến Chính phủ nhiều nước đã phải gia tăng các biện pháp đóng cửa nhiều hoạt động trong nước để kiểm soát dịch bệnh. Tâm lý nặng nề vẫn bao trùm Châu Âu đã không hỗ trợ cho diễn biến của đồng tiền chung khu vực. Đồng EUR đã giảm liên tiếp trong 2 tháng với tổng mức giảm đã lớn hơn 1%, ghi nhận 02 chuỗi giảm kéo dài từ ngày 7 – 18/1 và từ ngày 1–4/2 với tổng mức giảm lần lượt là lớn hơn 2% và 1,43%. Diễn biến tăng cũng không kéo dài cho dù đã có nhiều tín hiệu tốt hơn từ khu vực sản xuất và lạm phát, đặc biệt là tại các nền kinh tế lớn trong khu vực như Đức, Pháp,... Thêm vào đó, sự trì trệ trong việc tiêm chủng tại khu vực Châu Âu so với Mỹ và Anh cũng có những ảnh hưởng bất lợi lên diễn biến của đồng EUR trong những tháng qua. Đồng EUR đã có được mức giá giao dịch cao nhất ở mức 1.2350 và thấp nhất ở mức 1.1952, cặp tỷ giá EUR/USD vào ngày giao dịch cuối tháng 2 ở mức 1.2074.

Trong khi đó, sau 2 tháng giao dịch, đồng bảng Anh đã tăng gần 2%, tăng nhẹ 0,2% trong tháng 1 và tăng 1,68% trong tháng 2. Đồng GBP đã có diễn biến tốt ngay cả khi tình hình kinh tế đang phải chịu những áp lực mạnh từ tốc độ lây lan của dịch bệnh và biến chủng mới của virus, đồng GBP ghi nhận các chuỗi tăng kéo dài trong 05 ngày giao dịch trong tháng 2 khi thị trường ủng hộ kế hoạch giãn dần các biện pháp cách ly chặt chẽ trong nền kinh tế của Thủ tướng Boris Johnson. Bên cạnh đó, những biến động tăng mạnh/ngày giao dịch lên đến hơn 1% cũng được hỗ trợ mạnh bởi chính sách tiêm chủng rộng rãi đã làm cho số ca lây nhiễm nhanh chóng được khống chế. Trong 2 tháng đầu năm, đồng GBP đã có được mức giá giao dịch cao nhất ở mức 1.4237 và thấp nhất ở mức 1.3451, cặp tỷ giá GBP/USD vào ngày giao dịch cuối tháng 2 ở mức 1.3932.

Bên cạnh đó, 02 đồng tiền mạnh khác là đồng AUD và đồng CAD có diễn biến trái chiều trong 2 tháng đầu năm. Đồng AUD đã tăng nhẹ 0,14% so với đồng USD, còn đồng CAD lại có diễn biến giảm nhẹ 0,07% so với đồng USD. Tuy nhiên, 02 đồng tiền này có diễn biến tương đồng qua các tháng theo hướng tháng 1 giảm, tháng 2 tăng. Trong đó, diễn biến giảm trong tháng đầu năm bị ảnh hưởng bởi diễn biến kinh tế suy giảm trong đại dịch và quan điểm ôn hòa trong điều hành CSTT của NHTW. Tuy nhiên, cả 02 đồng tiền đã tăng trở lại trong tháng 2 khi số lượng ca nhiễm mới ở mức thấp, kinh tế đã có tín hiệu lạc quan hơn, giá dầu duy trì được đà tăng, kỳ vọng của giới đầu tư về triển vọng phục hồi của 2 nền kinh tế sau đại dịch. Kết thúc tháng 2, cặp tỷ giá AUD/USD và cặp tỷ giá USD/CAD giao dịch ở mức 0.7705 và 1.2739.

***Đồng JPY
liên tục giảm
trong 2 tháng***

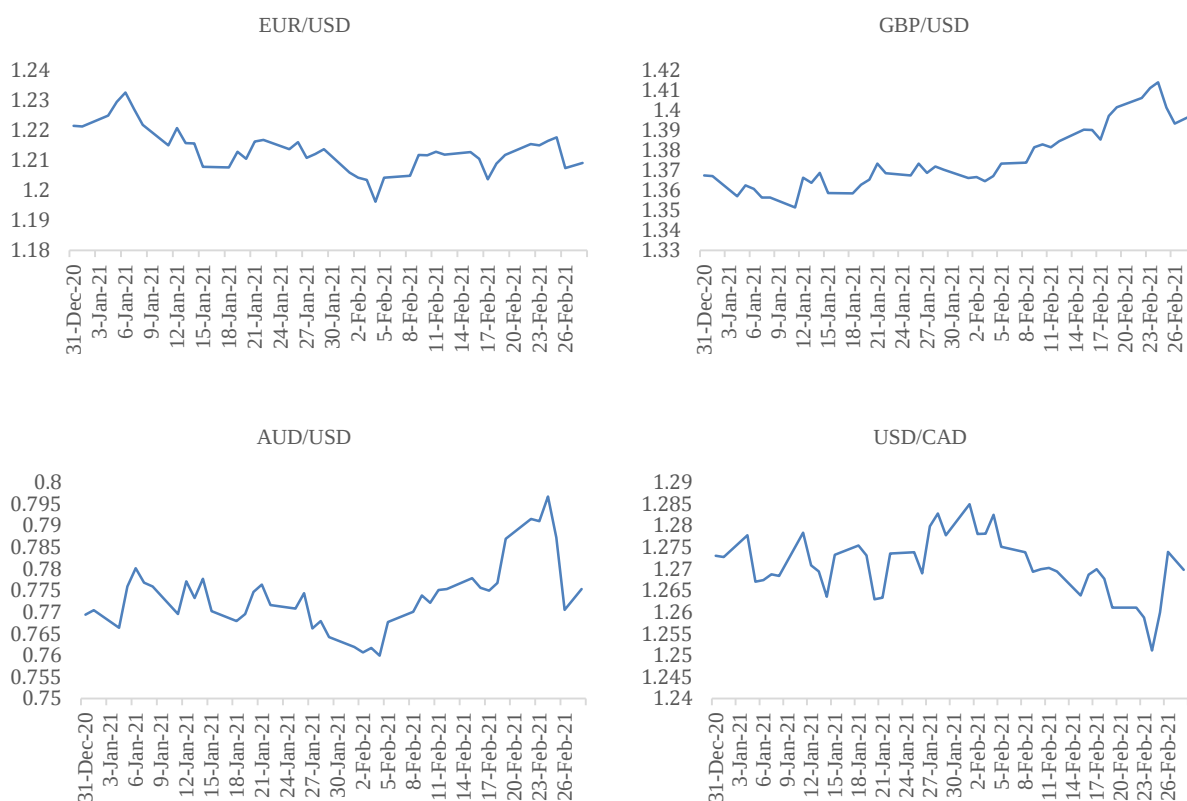
Trong 2 tháng đầu năm 2021, đồng JPY đã có diễn biến trái chiều so với cùng kỳ năm ngoái, giảm liên tục qua các tháng so với đồng USD với tổng mức giảm đã lớn hơn 3%. Đồng JPY có diễn biến tăng giảm xen kẽ trong tháng 1 và xu

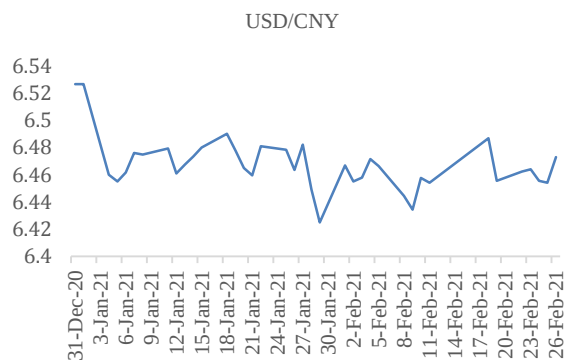
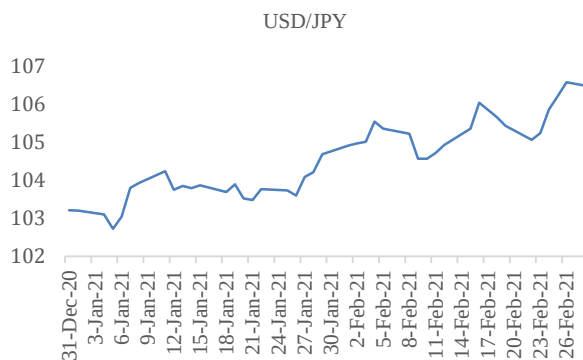
hướng giảm đã diễn ra liên tục hơn trong tháng 2 với tổng mức giảm xấp xỉ 3,7%, mức giảm lớn nhất/ngày giao dịch ở mức 0,74%. Diễn biến không tích cực của đồng JPY trong 2 tháng qua bị ảnh hưởng bởi nhu cầu đầu tư an toàn đối với đồng JPY suy giảm trong điều kiện dịch bệnh tiếp tục gia tăng tại Nhật, kinh tế chưa có tín hiệu khả quan mới và đồng USD lên giá trên thị trường quốc tế. Kết thúc tháng 2, cặp tỷ giá USD/JPY dừng ở mức 106.58.

Đồng CNY tiếp tục tăng mạnh trong tháng giao dịch đầu năm

Trong khi đó, đồng CNY trong 2 tháng đầu năm đã có diễn biến tích cực hơn, tiếp tục giữ được đà tăng của năm ngoái, tăng hơn 1,5% trong tháng 1, diễn biến tăng gần như xuất hiện liên tục trong 02 tuần cuối của tháng với mức tăng giao động 0,09 - 0,51%/ngày giao dịch. Diễn biến tích cực này được hỗ trợ mạnh bởi các kết quả kinh tế của Trung Quốc trong bối cảnh suy giảm trên toàn cầu trước tác động của dịch bệnh và nhu cầu đồng CNY tăng cao. Tuy nhiên, mức độ tăng đã điều chỉnh ngay vào ngày giao dịch đầu tháng 2 khi đồng CNY giảm 0,65% và tiếp tục có thêm nhiều phiên giảm giá nữa trong tháng, ghi nhận mức giảm lớn hơn 0,7% so với đồng USD vào cuối tháng 2. Đồng CNY đã giảm trong tháng 2 trước đà phục hồi của đồng USD trên thị trường, diễn biến kinh tế có phần chững lại và nhu cầu đầu tư bị ảnh hưởng bởi kỳ nghỉ Tết Nguyên đán. Trong 2 tháng giao dịch, cặp tỷ giá USD/CNY đạt mức giá giao dịch cao nhất là 6.5 và mức giá thấp nhất là 6.4, tỷ giá giao dịch cuối tháng 2 là 6.4730.

Diễn biến tỷ giá của các đồng tiền mạnh





Nguồn: investing.com

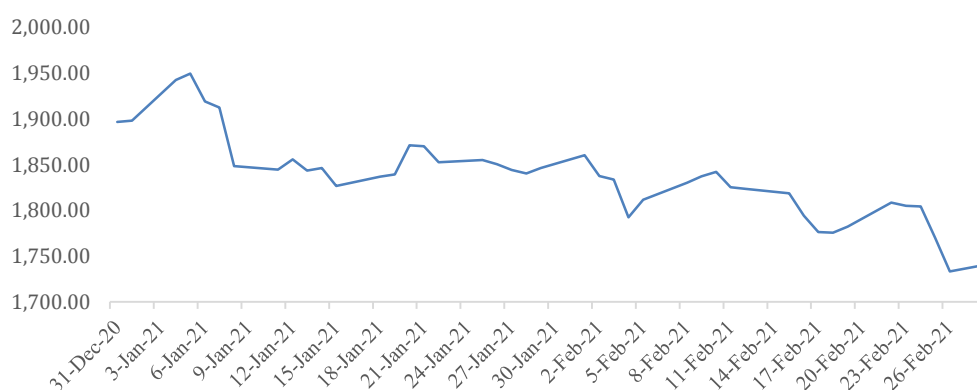
Diễn biến thị trường vàng

Vàng mất giá mạnh

Giá vàng sau 2 tháng giao dịch đầu năm đã giảm khoảng 1/2 mức tăng của năm 2020, diễn biến trái ngược với cùng kỳ năm ngoái, giảm liên tục trong 2 tháng với tổng mức giảm lớn hơn 8% đối với giá vàng giao ngay và giảm gần 9% đối với giá vàng kỳ hạn, trong đó, giá vàng giảm mạnh trong tháng 2 lần lượt ở mức 6,1% và 6,6%. Đồng thời, giá vàng đã ghi nhận nhiều ngày giá giảm mạnh, giao động từ 1,91 – hơn 3%. Giá vàng liên tục tuột khỏi ngưỡng giá giao dịch quan trọng, cụ thể rời khỏi ngưỡng giá cao trên 1.900 USD/ounce vào ngày 8/1 và ngưỡng trên 1.800 USD/ounce vào ngày 4/2.

Giá vàng đã liên tục giảm trong những tháng vừa qua, đặc biệt là chuỗi giảm gần như liên tục từ ngày 11/2 – ngày giao dịch cuối tháng tiếp tục bị chi phối bởi những kỳ vọng lạc quan về kinh tế toàn cầu cũng như diễn biến thực tế kinh tế Mỹ khi vaccine phòng chống dịch bệnh được triển khai rộng rãi, đồng USD tăng giá, lãi suất trái phiếu gia tăng mạnh và đáng chú ý đó là xu hướng lạm phát đang có nhiều khả năng gia tăng trong những tháng tới.

Diễn biến giá vàng thế giới



Nguồn: investing.com

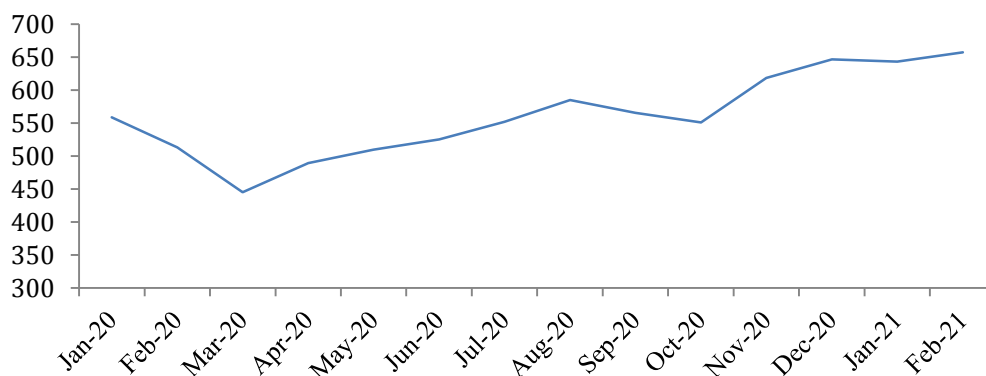
Thị trường chứng khoán toàn cầu

Thị trường chứng khoán toàn cầu tiếp

Trong 2 tháng đầu năm, chỉ số chứng khoán toàn cầu MSCI ACWI tăng 1,68%, trong đó chỉ số MSCI ACWI giảm 0,52% trong tháng 1 xuống

tục tăng điểm 642,91 điểm và hồi phục 2,21% lên 657,15 điểm. Theo đó, các thị trường chứng khoán chủ chốt trên thế giới đều tăng điểm so với cuối năm 2020.

Diễn biến chỉ số MSCI ACWI giai đoạn 1/2020 – 2/2021



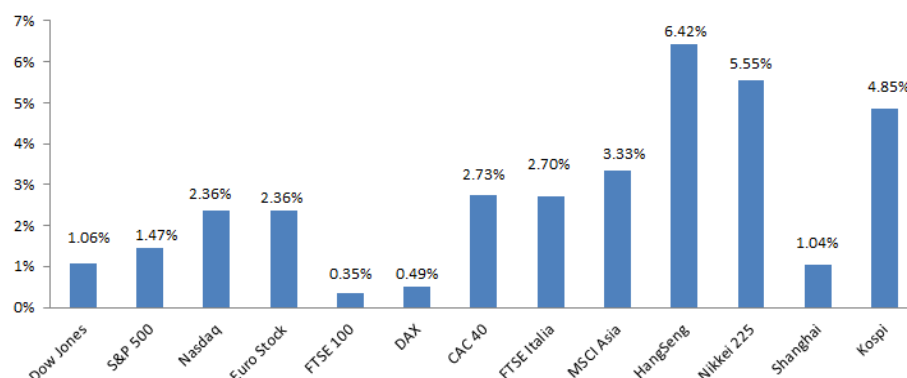
Nguồn: msci.com

Thị trường chứng khoán Mỹ tiếp tục ghi nhận diễn biến tăng của các chỉ số chính, cụ thể chỉ số Dow Jones tăng 1,06% lên 30.932,37 điểm, chỉ số S&P 500 tăng 1,47% lên 3.811,15 điểm và chỉ số công nghệ Nasdaq tăng 2,36% lên 13.192,35 điểm. Xu hướng tăng điểm của thị trường thể hiện mạnh mẽ trong nửa đầu tháng 2, lực đẩy chính khiến các chỉ số tăng điểm đó là chương trình tiêm chủng vaccine ngừa Covid-19 được đẩy nhanh hơn dự kiến, kết quả báo cáo tài chính lạc quan của các doanh nghiệp niêm yết và kỳ vọng về gói kích thích trị giá 1.900 tỷ đô la Mỹ sớm được thông qua. Ngoài ra, diễn biến tăng của giá dầu và việc duy trì các biện pháp nới lỏng tiền tệ cũng hỗ trợ cho đà tăng của thị trường, đặc biệt đối với nhóm cổ phiếu năng lượng và tài chính. Mặc dù vậy, thị trường cũng đã chịu áp lực từ xu hướng tăng mạnh của lợi suất trái phiếu Chính phủ và lạm phát.

Tại Châu Âu, các thị trường chứng khoán chủ chốt trong khu vực đều giảm điểm trong tháng 1 và hồi phục trở lại trong tháng 2. Chốt phiên giao dịch cuối cùng của tháng 02/2021, chỉ số tổng hợp Euro Stoxx tăng 2,36% so với cuối năm 2020 lên 3.636,44 điểm, chỉ số FTSE 100 của Anh tăng nhẹ 0,35% lên 6.483,43 điểm, chỉ số CAC 40 của Pháp tăng 2,73% lên 5.703,22 điểm, chỉ số DAX của Đức tăng 0,49% lên 13.786,29 điểm và chỉ số FTSE Italia tăng 2,70% lên 24.856,67 điểm.

Tại Châu Á, các thị trường chứng khoán trong khu vực Châu Á tăng điểm liên tục trong cả 2 tháng đầu năm 2021. Qua hai tháng, chỉ số MSCI Châu Á Thái Bình Dương tăng 3,33% lên 206,58 điểm. Chỉ số HangSeng của Hồng Kông tăng 6,42% lên 28.980,21 điểm, Nikkei 225 của Nhật Bản tăng 5,55% lên 28.966,01 điểm, chỉ số Shanghai tại Trung Quốc tăng nhẹ 1,04% lên 3.509,08 điểm, Kopsi của Hàn Quốc tăng 4,85% lên 3.012,95 điểm.

Mức độ biến động của các chỉ số chứng khoán chủ chốt 2 tháng đầu năm 2021



Nguồn: Bloomberg

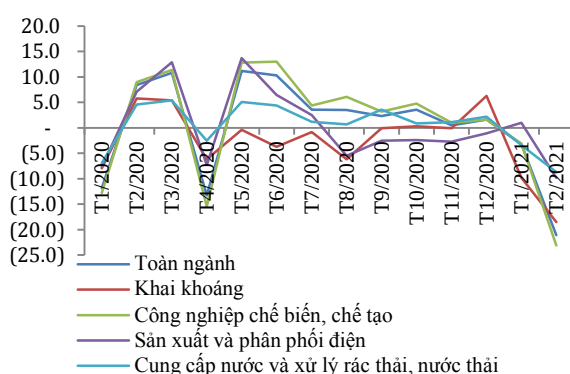
KINH TẾ TRONG NƯỚC

1. Tăng trưởng kinh tế

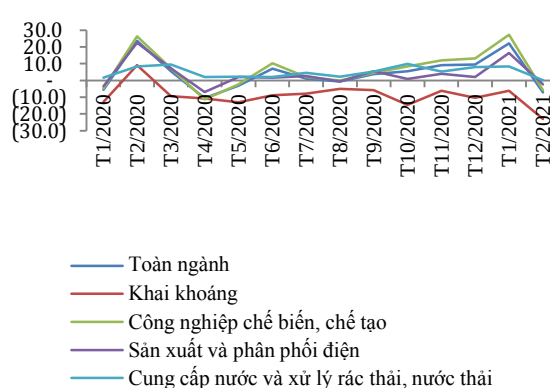
Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp có diễn biến tốt hơn so với cùng kỳ

Trong 2 tháng đầu năm, chỉ số IIP ước tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước. Các nhóm ngành phần lớn đều có tốc độ tăng cao hơn so với 2 tháng đầu năm 2020, ngoại trừ ngành khai khoáng. Cụ thể, ngành chế biến, chế tạo tăng 10,4%², đóng góp 8 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 4,3%³, đóng góp 0,7 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,8%, đóng góp 0,4 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 11% (thấp hơn mức giảm của cùng kỳ năm trước ở mức 2,7%), làm giảm 1,7 điểm phần trăm trong mức tăng chung.

Diễn biến IIP so với tháng trước



Diễn biến IIP so với cùng kỳ



Nguồn: TCTK

Mặc dù vậy, trước những ảnh hưởng của dịch Covid-19 và những yếu tố mang tính quy luật, tình hình sản xuất công nghiệp đã có diễn biến khác nhau qua các tháng. Theo đó, chỉ số IIP – chỉ số sản xuất của toàn ngành công nghiệp có xu hướng giảm qua các tháng, lần lượt ở mức 3,2% và 21,1%. Đáng chú ý là diễn biến giảm trong tháng 2 với mức giảm khá mạnh theo tháng và giảm 7,2% so

² Ngành chế biến, chế tạo trong 2 tháng đầu năm 2020, tăng 7,1%

³ Ngành sản xuất và phân phối điện trong 2 tháng đầu năm 2020 tăng 7%

với cùng kỳ (IIP tháng 1 tăng 22,2% so với tháng 1/2020). Trong đó, diễn biến giảm đã xuất hiện trên tất cả các nhóm ngành, cụ thể ngành khai khoáng giảm 18,5% và giảm 23%; ngành chế biến, chế tạo giảm 23,1% và giảm 5,8%; sản xuất và phân phối điện giảm 9,8% và giảm 2,3%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 8,7%.

Trong các ngành công nghiệp cấp II, một số ngành trọng điểm có chỉ số sản xuất 2 tháng tăng cao so với cùng kỳ năm trước, đáng chú ý là các nhóm ngành như sản xuất kim loại tăng 30,3%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 21,2%; sản xuất thiết bị điện tăng 17,5%; khai thác quặng kim loại tăng 14,9%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 11,9%,... Bên cạnh đó, ngành khai khoáng tiếp tục có diễn biến giảm mạnh so với các ngành khác, cụ thể như khai thác than cứng và than non giảm 8,6%; hoạt động dịch vụ hỗ trợ và khai thác mỏ quặng giảm 13,5%; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 15,6%.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/02/2021 tăng 0,3% so với cùng thời điểm tháng trước và giảm 2,4% so với cùng thời điểm năm trước. Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng giảm 0,1% so với cùng thời điểm tháng trước và giảm 1,8% so với cùng thời điểm năm trước; ngành chế biến, chế tạo tăng 0,3% và giảm 2,5%; ngành sản xuất và phân phối điện không đổi và tăng 0,8%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải không đổi và giảm 1,6%.

Chỉ số PMI ngành sản xuất của Việt Nam đã tăng từ 51,3 điểm trong tháng 1 lên 51,6 điểm trong tháng 2

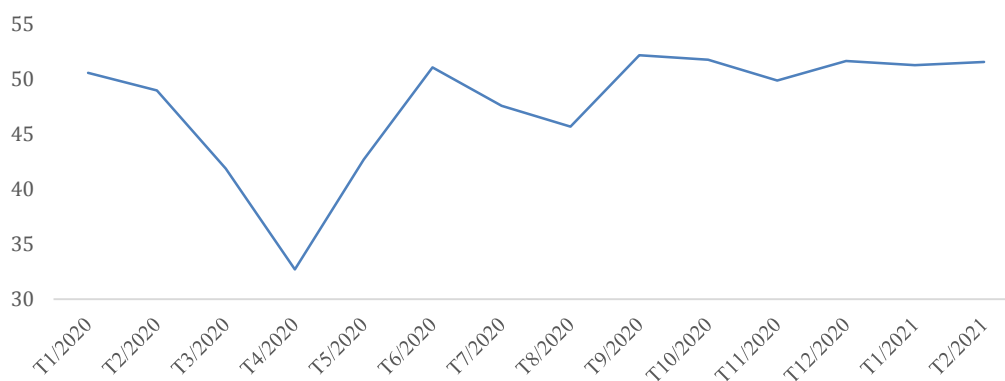
Các điều kiện sản xuất kinh doanh tiếp tục được cải thiện nhẹ qua các tháng, theo đó, chỉ số PMI ngành sản xuất của Việt Nam sau khi giảm nhẹ xuống mức 51,3 điểm trong tháng 1 từ mức 51,7 điểm trong tháng 12/2020 đã tăng nhẹ 0,3 điểm trong tháng 2, hiện đạt 51,6 điểm.

Trong tháng 1, diễn biến của khu vực sản xuất ít có cải thiện khi đơn đặt hàng mới tăng nhẹ, sản lượng, việc làm và hoạt động mua hàng hầu như không thay đổi. Mặc dù vậy, tình hình đã được cải thiện trong tháng 2 với các diễn biến đáng chú ý như sau:

- + Số lượng đơn đặt hàng mới tiếp tục tăng đã giúp cải thiện các điều kiện kinh doanh tổng thể. Diễn biến này được hỗ trợ bởi sự tăng trở lại của các đơn đặt hàng xuất khẩu mới;
- + Sản lượng tăng trở lại để đáp ứng nhu cầu hàng hóa kéo theo hoạt động mua hàng gia tăng và việc làm đã tăng lần thứ 2 trong vòng 3 tháng qua giúp cho các công ty kiểm soát được khối lượng công việc, giảm lượng công việc tồn đọng;
- + Thời gian giao hàng của nhà cung cấp tiếp tục bị kéo dài do những khó khăn trong việc vận chuyển và sự khan hiếm của nguyên vật liệu từ nước ngoài khi nhu cầu thế giới bắt đầu hồi phục;

- + Chi phí đầu vào tiếp tục tăng dẫn đến giá bán hàng hóa cũng tăng lên mặc dù ở mức nhẹ và chậm nhất kể từ tháng 11/2020;
- + Niềm tin kinh doanh tiếp tục giảm tháng thứ 3 liên tiếp trong tình hình dịch bệnh bùng phát trở lại, đạt mức thấp nhất kể từ tháng 8/2020 – thời điểm bùng phát dịch cuối cùng của năm ngoái.

Diễn biến chỉ số PMI



Nguồn: Nikkei

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 2 tháng đầu năm tăng 5,49% so với cùng kỳ năm trước

Trong tháng 1, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng vẫn duy trì đà tăng trưởng tốt nhờ nhu cầu mua sắm tăng cao dịp Tết Nguyên đán với mức tăng 3,7% so với tháng trước và tăng 6,4% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, bước sang tháng 2, do ảnh hưởng từ kỳ nghỉ Tết dài và dịch Covid-19 diễn ra tại một số địa phương nên làm cho hoạt động thương mại, dịch vụ trong tháng giảm so với tháng trước. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 2 giảm 5,4% so với tháng trước và tăng 8,2% so với cùng kỳ năm trước.

Như vậy, tính chung 2 tháng đầu năm tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 904,5 nghìn tỷ đồng, tăng 5,49% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,52% (cùng kỳ năm 2020 tăng 5,4%).

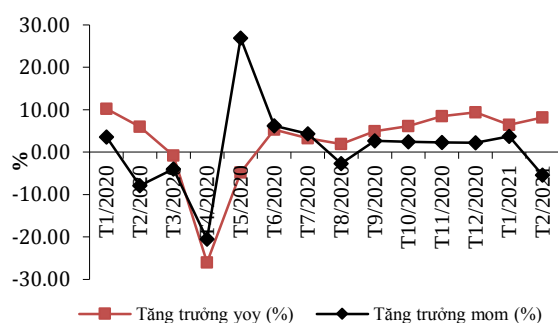
Trong 2 tháng đầu năm, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước tính đạt 722,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 79,8% tổng mức và tăng 7,8% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 9,4% của cùng kỳ năm 2020. Trong đó, lương thực, thực phẩm tăng 9,5%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 8,7%; may mặc tăng 4,2%; vật phẩm văn hóa, giáo dục tăng 3,1%; phương tiện đi lại tăng 2,6%.

Bên cạnh đó, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 2 tháng đầu năm ước tính đạt 88,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 9,8% tổng mức và giảm 4,3% so với cùng kỳ năm trước.

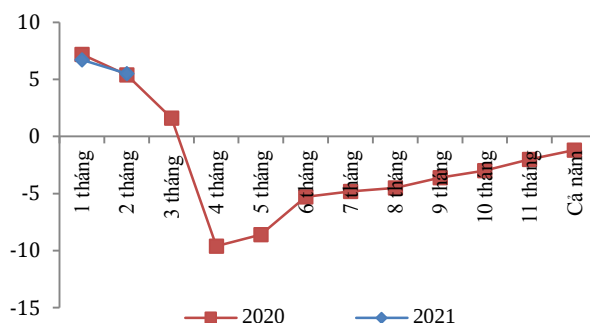
Đồng thời, doanh thu du lịch lữ hành 2 tháng đầu năm ước tính đạt 2,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,3% tổng mức và giảm 62,1% so với cùng kỳ năm trước.

Cuối cùng, doanh thu dịch vụ khác 2 tháng đầu năm ước tính đạt 91,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,1% tổng mức và tăng 3% so với cùng kỳ năm trước.

Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu DV TD so với tháng trước và cùng kỳ (%)



Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đã loại trừ yếu tố giá (% yoy)



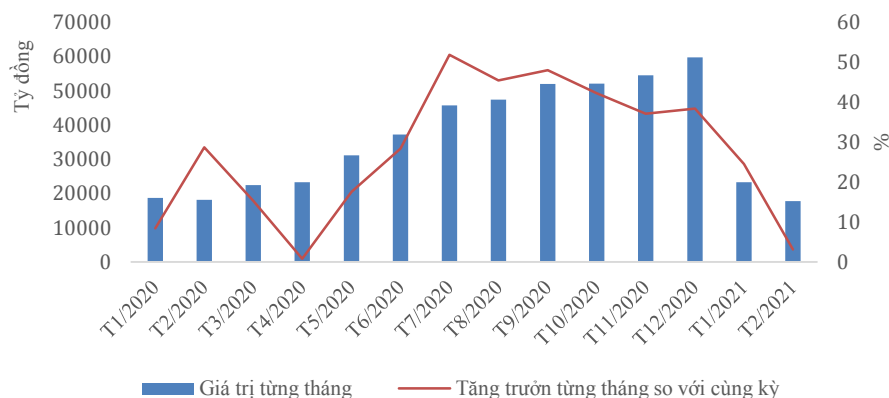
Nguồn: TCTK

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN tiếp tục tăng so với cùng kỳ

Tính chung 2 tháng đầu năm, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 40.900 tỷ đồng, bằng 9% kế hoạch năm và tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước⁴. Trong đó, vốn Trung ương quản lý đạt 5.600 tỷ đồng, bằng 7,2% kế hoạch năm và tăng 13,6% so với cùng kỳ năm trước và vốn địa phương quản lý đạt 35.300 tỷ đồng, bằng 9,4% kế hoạch năm và tăng 10,1% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong 2 tháng đầu năm, vốn đầu tư thực hiện từ NSNN có diễn biến tăng trong tháng 1, đạt 23.233 tỷ đồng, tăng 24,5% so với cùng kỳ năm trước và có diễn biến giảm trong tháng 2, ước tính đạt 17.700 tỷ đồng, giảm 3,1% so với cùng kỳ năm trước

Diễn biến vốn đầu tư từ NSNN



Nguồn: TCTK

Vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục giảm so với cùng kỳ

Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến 20/02/2021 gồm có vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 5,46 tỷ USD (tháng 1 đạt 2 tỷ USD và tháng 2 đạt 3,46 tỷ USD), giảm 15,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong tất cả các cấu phần vốn đầu tư nước ngoài, vốn đăng ký cấp phép mới có 126 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 3,31 tỷ USD, giảm 74,8% về

⁴ Vốn đầu tư thực hiện từ NSNN cùng kỳ năm 2020 bằng 7,2% kế hoạch và tăng 17,9%

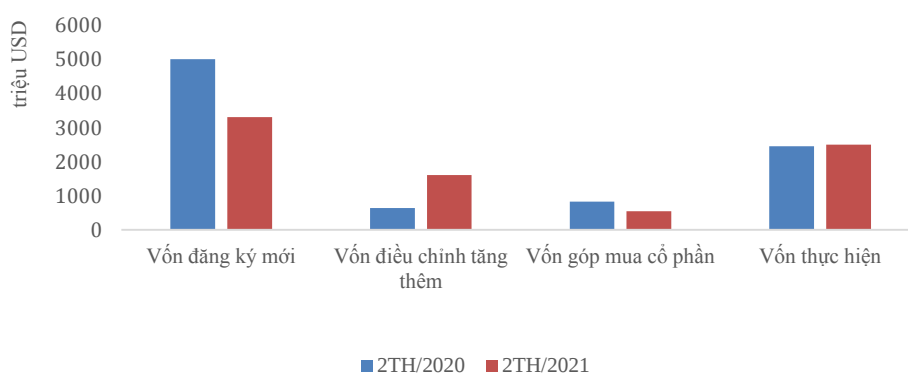
số dự án và giảm 33,9% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước; Vốn đăng ký điều chỉnh được thực hiện trên 115 lượt dự án với số vốn tăng thêm đạt 1,61 tỷ USD, tăng 151,8%⁵; Vốn góp, mua cổ phần gồm có 445 lượt với tổng giá trị góp vốn là 543,1 triệu USD, giảm 34,4%.

Xét theo các ngành nghề hoạt động thì vốn đầu tư nước ngoài trong 2 tháng đầu năm đối với các dự án cấp phép mới thì ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí được cấp phép mới đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký đạt 1,41 tỷ USD, chiếm 42,6% tổng vốn đăng ký cấp mới; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 1,34 tỷ USD, chiếm 40,5%; các ngành còn lại đạt 558,2 triệu USD, chiếm 16,9%. Tuy nhiên, nếu tính cả các dự án điều chỉnh tăng vốn thì ngành công nghiệp chế biến, chế tạo vẫn là ngành thu hút được lượng vốn đầu tư nước ngoài lớn nhất.

Trong số 46 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong 2 tháng đầu năm nay, Nhật Bản là nhà đầu tư lớn nhất với 1,45 tỷ USD, chiếm 43,8% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Singapore với 861,1 triệu USD, chiếm 26%; Trung Quốc 374,9 triệu USD, chiếm 11,3%; Hồng Kông 231,1 triệu USD, chiếm 7%; Hàn Quốc 122,9 triệu USD, chiếm 3,7%; Hoa Kỳ 110,8 triệu USD, chiếm 3,3%.

Bên cạnh đó, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 2 tháng ước tính đạt 2,5 tỷ USD, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 1,8 tỷ USD, chiếm 71,8% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 389 triệu USD, chiếm 15,6%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 152,1 triệu USD, chiếm 6,1%.

Vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam 2 tháng 2020 và 2 tháng 2021



Nguồn: TCTK

Xuất khẩu hàng hóa vũng nhập hàng giữ đầ Trong 2 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 48,55 tỷ USD, tăng 23,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 11,48 tỷ USD, tăng 4,4%, chiếm 23,6% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu

⁵ Vốn điều chỉnh tăng mạnh do trong tháng 2 có dự án LG Display Hải Phòng điều chỉnh tăng vốn đầu tư 750 triệu USD.

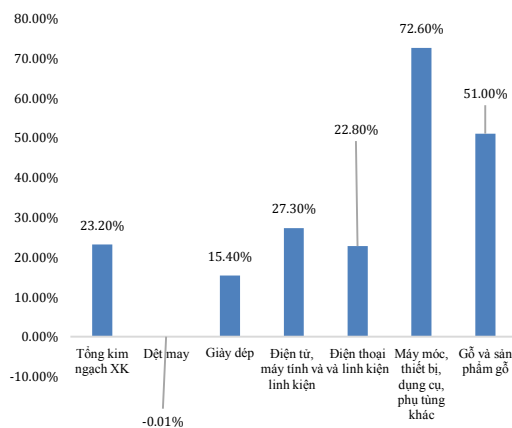
tăng

vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 37,07 tỷ USD, tăng 30,5%, chiếm 76,4%.

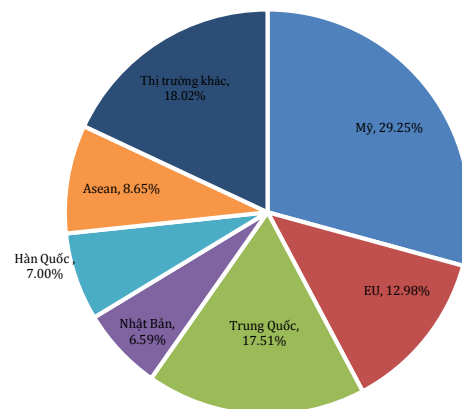
Trong 2 tháng đầu năm có 9 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 73,8% tổng kim ngạch xuất khẩu, cụ thể: điện thoại và linh kiện có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất, đạt 9,3 tỷ USD, tăng 22,8% so với cùng kỳ năm trước; điện tử, máy tính và linh kiện đạt 6,9 tỷ USD, tăng 27,3%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 5,5 tỷ USD, tăng 72,6%; hàng dệt may đạt 4,8 tỷ USD, giảm 0,01%; giày dép đạt 3,2 tỷ USD, tăng 15,4%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 2,4 tỷ USD, tăng 51%; phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 1,6 tỷ USD, tăng 11,6%; sắt thép đạt 1,1 tỷ USD, tăng 71,9%; thủy sản đạt 1,01 tỷ USD, tăng 0,7%. Bên cạnh đó, kim ngạch xuất khẩu của một số mặt hàng nông sản như rau quả, cao su, hạt điều, chè,... tăng so với cùng kỳ năm trước⁶.

Từ đầu năm đến nay, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch trong 2 tháng đạt 14,2 tỷ USD, tăng 38,2% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp đến là Trung Quốc đạt 8,5 tỷ USD, tăng 54,3%; EU đạt 6,3 tỷ USD, tăng 22,7%; ASEAN đạt 4,2 tỷ USD, tăng 6,2%; Hàn Quốc đạt 3,4 tỷ USD, tăng 16,8%; Nhật Bản đạt 3,2 tỷ USD, tăng 3%.

Kim ngạch xuất khẩu so với cùng kỳ của một số mặt hàng chủ lực 2TH/2021



Cơ cấu xuất khẩu phân theo một số thị trường chủ chốt 2TH/2021



Nguồn: TCTK

Bên cạnh đó, tính chung 2 tháng đầu năm 2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 47,26 tỷ USD, tăng 25,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 15,62 tỷ USD, tăng 16%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 31,64 tỷ USD, tăng 31,4%.

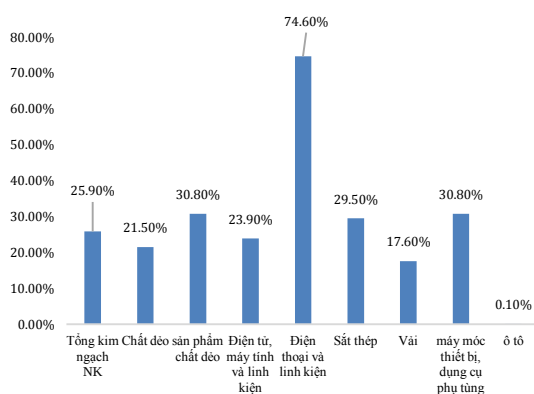
Trong 2 tháng có 11 mặt hàng đạt kim ngạch nhập khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 67,6% tổng kim ngạch nhập khẩu, trong đó điện tử, máy tính và linh kiện đạt 10,9 tỷ USD, tăng 23,9% so với cùng kỳ năm trước; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 6,8 tỷ USD, tăng 30,8%; điện thoại và linh kiện đạt 3,6 tỷ USD,

⁶ Rau quả đạt 610 triệu USD, tăng 14,6%; cao su đạt 516 triệu USD, tăng 109,7%; hạt điều đạt 442 triệu USD, tăng 21,5%; sản và các sản phẩm từ sản đạt 256 triệu USD, tăng 78,2%; chè đạt 28 triệu USD, tăng 9,7%.

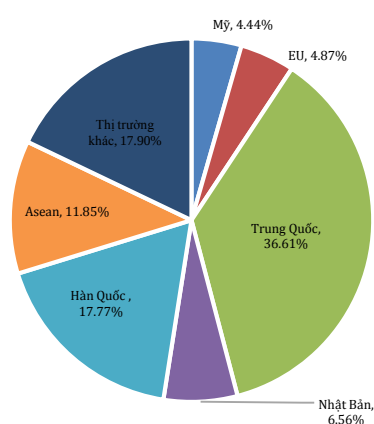
tăng 74,6%; vải đạt 1,9 tỷ USD, tăng 17,6%; chất dẻo đạt 1,6 tỷ USD, tăng 21,5%; sắt thép đạt 1,5 tỷ USD, tăng 29,5%; sản phẩm chất dẻo đạt 1,3 tỷ USD, tăng 30,8%; kim loại thường đạt 1,3 tỷ USD, tăng 32,8%; sản phẩm hóa chất đạt 1,1 tỷ USD, tăng 29%; hóa chất đạt 1,02 tỷ USD, tăng 29,4%; ô tô đạt 1,01 tỷ USD, tăng 0,1%.

Về thị trường nhập khẩu hàng hóa trong 2 tháng, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước tính đạt 17,3 tỷ USD, tăng 85,7% so với cùng kỳ năm trước; Hàn Quốc đạt 8,4 tỷ USD, tăng 6,7%; ASEAN đạt 5,6 tỷ USD, tăng 18,5%; Nhật Bản đạt 3,1 tỷ USD, giảm 0,2%; EU đạt 2,3 tỷ USD, tăng 4,7%; Hoa Kỳ đạt 2,1 tỷ USD, giảm 4,1%.

Kim ngạch nhập khẩu so với cùng kỳ của một số mặt hàng chủ lực 2TH/2021



Cơ cấu nhập khẩu phân theo một số thị trường chủ chốt 2TH/2021

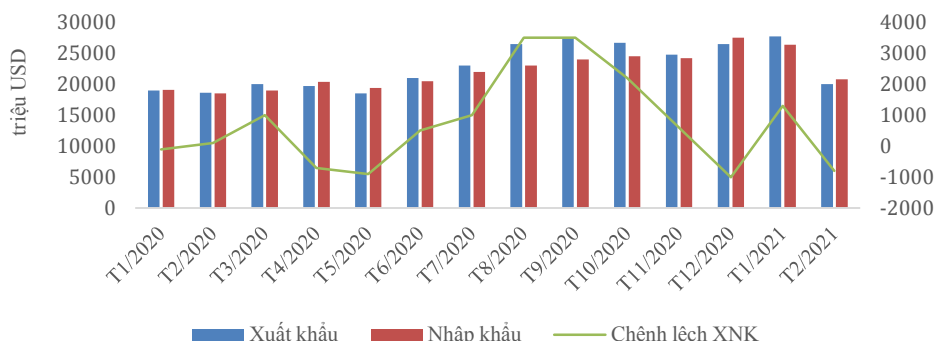


Nguồn: TCTK

Cán cân thương mại ước tính xuất siêu 1,29 tỷ USD qua 2 tháng

Cán cân thương mại hàng hóa thực hiện tháng 01/2021 xuất siêu 2,09 tỷ USD, tháng 2 ước tính nhập siêu 800 triệu USD. Tính chung 2 tháng đầu năm 2021, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 1,29 tỷ USD⁷, trong đó khu vực trong nước nhập siêu 4,14 tỷ USD; khu vực đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 5,43 tỷ USD.

Diễn biến XK, NK và cán cân thương mại giai đoạn 1/2020 – 2/2021



Nguồn: TCTK

⁷ Trong đó, xuất siêu sang EU đạt 4 tỷ USD, tăng 36,3% so với cùng kỳ năm trước; nhập siêu từ Trung Quốc 8,8 tỷ USD, tăng 130,8%; nhập siêu từ Hàn Quốc 5 tỷ USD, tăng 0,6%; nhập siêu từ ASEAN 1,4 tỷ USD, tăng 82,7%.

Một số VBPL chính sách quan trọng liên quan đến điều tiết tăng trưởng kinh tế được ban hành trong 2 tháng đầu năm 2021

Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021

Để thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2021-2025, Chính phủ xác định phương châm hành động của năm 2021 là “Đoàn kết, kỷ cương, đổi mới, sáng tạo, khát vọng phát triển” với 08 trọng tâm chỉ đạo điều hành như sau:

8 trọng tâm chỉ đạo điều hành

Một là, chuẩn bị chu đáo, kỹ lưỡng để phục vụ tổ chức thành công Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Quốc hội khóa XV và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Quyết liệt hành động, có chương trình, kế hoạch cụ thể thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030 ngay trong năm đầu của nhiệm kỳ.

Hai là, tiếp tục thực hiện quyết liệt, linh hoạt, hiệu quả “mục tiêu kép” vừa phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong trạng thái bình thường mới. Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả các chính sách tái khóa, tiền tệ và các chính sách khác để kích thích tổng cầu phù hợp, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng; đồng thời giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Theo dõi sát diễn biến tình hình trong nước và quốc tế, kịp thời dự báo và chuẩn bị phương án, kịch bản, biện pháp, đối sách ứng phó hiệu quả với những biến động, vấn đề mới phát sinh.

Ba là, tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập; giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội, giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Huy động, sử dụng các nguồn lực theo cơ chế thị trường. Nâng cao kỷ cương, hiệu quả trong xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật gắn với thực thi nghiêm pháp luật. Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại. Xây dựng bộ máy Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Bốn là, quyết liệt thực hiện cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm hiệu quả, thực chất gắn với đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số quốc gia, cung cấp các dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, thuận lợi hơn, thu hút mạnh mẽ đầu tư, thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

Năm là, phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa, trí tuệ con người Việt Nam; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, ý chí tự cường, niềm tự hào dân tộc. Đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; chú trọng phát triển nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh thu hút, trọng dụng nhân tài. Phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ; làm chủ một số công nghệ mới, công nghệ có tính chiến lược. Chú trọng bảo đảm an sinh xã hội và cải thiện đời sống nhân dân. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Sáu là, tiếp tục hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hiện đại, đặc biệt là về giao thông, năng lượng, đô thị lớn, ứng phó với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh, đồng bộ hạ tầng số, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án quan trọng, công trình trọng điểm quốc gia, các dự án liên kết vùng, bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước; tăng cường, nâng cao hiệu quả liên kết vùng, phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị lớn.

Bảy là, củng cố quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển nhanh, bền vững; nâng cao vị thế, uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

Tám là, làm tốt công tác thông tin, truyền thông, kịp thời phản ánh, lan tỏa các nhân tố tích cực, góp phần củng cố niềm tin, tạo đồng thuận trong toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội đề ra.

11 nhóm nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

Một là, triển khai hiệu quả các nhiệm vụ phục vụ tổ chức Đại hội Đảng, bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp; chuẩn bị, ban hành và triển khai ngay các chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Đảng, Quốc hội.

Hai là, tiếp tục thực hiện linh hoạt, hiệu quả “mục tiêu kép” vừa phòng, chống đại dịch Covid-19, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong trạng thái bình thường mới.

Ba là, tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo thuận lợi cho phục hồi và thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn; nâng cao khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế.

Bốn là, đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ và sức cạnh tranh của nền kinh tế dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Năm là, tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; đẩy nhanh tiến độ lập, phê duyệt quy hoạch, triển khai các dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm; phát triển mạnh kinh tế biên; tăng cường liên kết vùng; phát huy vai trò các vùng kinh tế trọng điểm, đô thị lớn; đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới.

Sáu là, nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ.

Bảy là, phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế.

Tám là, quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; tăng cường phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

Chín là, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng hệ thống hành chính nhà nước kiến tạo, phát triển, liêm chính, hành động quyết liệt, phục vụ nhân dân; tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Mười là, củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và thuận lợi cho phát triển đất nước.

Mười một là, đẩy mạnh thông tin truyền thông, tạo niềm tin, đồng thuận xã hội; nâng cao hiệu quả công tác dân vận, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tăng cường phối hợp công tác với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân.

Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021

Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 27/1/2021 ban hành Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030

Quyết định 188/QĐ-TTg ngày 9/2/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025

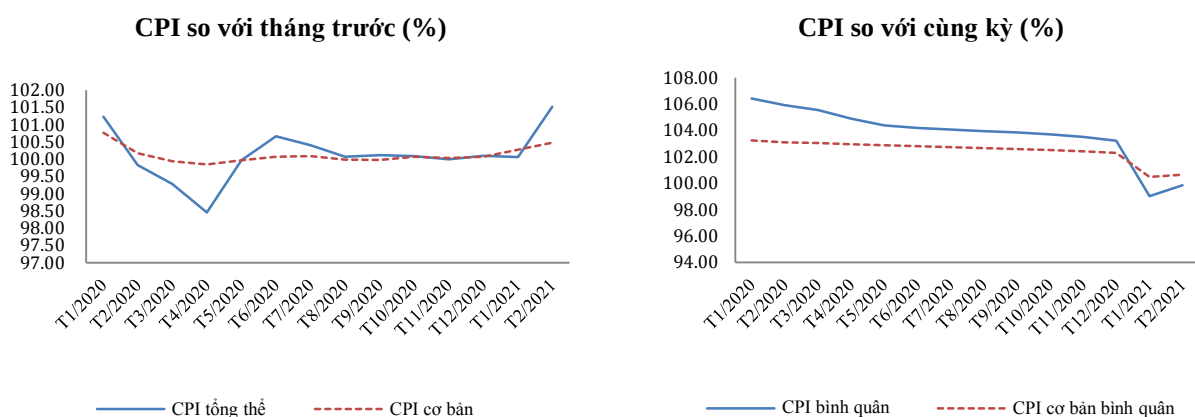
2. Lạm phát

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 2 tháng đầu năm giảm 0,14% so với cùng kỳ

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 2 tháng đầu năm 2021 giảm 0,14% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, CPI tháng 1/2021 giảm 0,97% so với cùng kỳ năm trước và tăng 0,06% so với tháng trước; CPI tháng 2/2021 tăng 0,7% so với cùng kỳ năm trước và tăng 1,52% so với tháng trước – mức tăng cao nhất của chỉ số giá tháng Hai trong 8 năm gần đây⁸.

Lạm phát cơ bản bình quân 2 tháng đầu năm nay tăng 0,64% so với bình quân cùng kỳ năm trước. Trong đó, lạm phát cơ bản tháng 1/2021 tăng 0,49% so với cùng kỳ năm trước và lạm phát cơ bản tháng 2/2021 tăng 0,79% so với cùng kỳ năm trước.

⁸ Tốc độ tăng/giảm CPI tháng Hai so với tháng trước các năm 2014-2021 lần lượt là: tăng 0,55%; giảm 0,05%; tăng 0,42%; tăng 0,23%; tăng 0,73%; tăng 0,8%; giảm 0,17%; tăng 1,52%



Nguồn: TCTK

Trong mức tăng 0,06% của CPI tháng 1 so với tháng trước có 9/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, trong đó, đáng chú ý là nhóm giao thông tăng cao nhất với 2,29% do ảnh hưởng của đợt điều chỉnh tăng giá xăng, dầu. Riêng nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng giảm 2,31%, chủ yếu do các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện gói hỗ trợ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) triển khai giảm giá điện, tiền điện cho khách hàng bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 đợt 2 làm giá điện sinh hoạt giảm 16,88% và nhóm bưu chính, viễn thông vẫn tiếp tục giảm 0,1%.

Bước sang tháng 2, mức tăng 1,52% của chỉ số CPI có sự đóng góp của 10/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, trong đó: nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng có mức tăng cao nhất với 4% chủ yếu do giá điện sinh hoạt tăng; Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,61%, chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng tăng mạnh trong dịp Tết Nguyên đán; Nhóm giao thông tăng 1,55% do ảnh hưởng của đợt điều chỉnh tăng giá xăng, dầu và nhu cầu đi lại vào dịp tết.

Mặc dù vậy, sau 2 tháng đầu năm, trong rổ hàng hóa, dịch vụ tính CPI có 7/11 nhóm có chỉ số CPI bình quân tăng và 4/11 nhóm có chỉ số CPI bình quân giảm. Trong đó, CPI bình quân tăng ở một số nhóm ngành sau:

- Giáo dục: CPI bình quân nhóm ngành này tăng cao nhất với mức tăng 4,1% so với bình quân cùng kỳ năm trước, trong đó nhóm Dịch vụ giáo dục tăng 4,51%.
- Hàng ăn và dịch vụ ăn uống: CPI bình quân nhóm ngành này tăng 1,71% so với bình quân cùng kỳ năm trước, trong đó tăng mạnh nhất là CPI của nhóm ngành lương thực ở mức 6,87%.
- Các nhóm ngành khác có CPI bình quân tăng giao động trong khoảng 0,3 – 1,7%.

Bên cạnh đó, CPI bình quân của nhóm giao thông giảm nhiều nhất với mức giảm là 8,43% so với bình quân cùng kỳ năm trước; các nhóm ngành còn

lại có mức giảm giao động trong khoảng 0,54 – 2,34%.

Một số VBPL chính sách quan trọng về điều tiết giá cả được ban hành trong 2 tháng đầu năm 2021

Công văn số 150/BCT-TTTN ngày 11/1/2021 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: tăng 430 đồng/lít; Xăng RON 95-III: tăng 451 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: tăng 271 đồng/lít; Dầu hỏa: tăng 370 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: giữ nguyên giá.

Công văn số 466/BCT-TTTN ngày 26/1/2021 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: tăng 361 đồng/lít; Xăng RON 95-III: tăng 340 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: tăng 395 đồng/lít; Dầu hỏa: tăng 350 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: tăng 350 đồng/kg.

Công văn số 856/BCT-TTTN ngày 10/2/2021 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: giá các mặt hàng xăng dầu tiêu dùng phổ biến trên thị trường được giữ ổn định.

Công văn số 992/BCT-TTTN ngày 25/2/2021 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: tăng 722 đồng/lít; Xăng RON 95-III: tăng 814 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: tăng 801 đồng/lít; Dầu hỏa: tăng 702 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: tăng 505 đồng/kg.

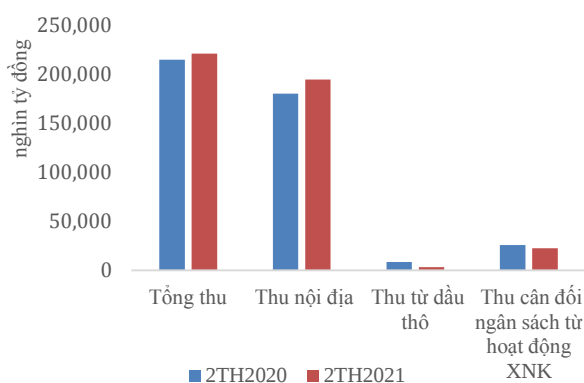
3. Thu chi ngân sách Nhà nước

Tổng thu, tổng chi NSNN qua 2 tháng đầu năm tăng so với cùng kỳ

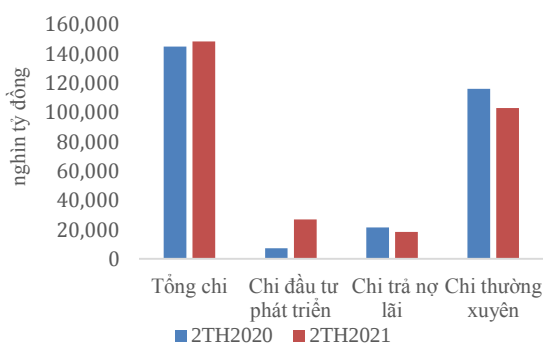
Tính từ đầu năm đến thời điểm 15/02/2021, tổng thu ngân sách Nhà nước ước tính đạt 220,5 nghìn tỷ đồng, bằng 16,4% dự toán năm, trong đó thu nội địa đạt 194,1 nghìn tỷ đồng, bằng 17,1%; thu từ dầu thô 3,2 nghìn tỷ đồng, bằng 13,8%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 22,7 nghìn tỷ đồng, bằng 12,7%. Trong thu nội địa, thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước đạt 23,3 nghìn tỷ đồng, bằng 15,7% dự toán năm; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) 41 nghìn tỷ đồng, bằng 20,6%; thu thuế công, thương nghiệp và dịch vụ ngoài Nhà nước 55,2 nghìn tỷ đồng, bằng 23,2%; thu thuế thu nhập cá nhân 17,6 nghìn tỷ đồng, bằng 16,4%; thu thuế bảo vệ môi trường 5,1 nghìn tỷ đồng, bằng 8%; thu tiền sử dụng đất 19,9 nghìn tỷ đồng, bằng 17,9%.

Trong khi đó, tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/02/2021 ước tính đạt 148,4 nghìn tỷ đồng, bằng 8,8% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 103 nghìn tỷ đồng, bằng 9,9%; chi đầu tư phát triển 26,9 nghìn tỷ đồng, bằng 5,6%; chi trả nợ lãi 18,5 nghìn tỷ đồng, bằng 16,8%.

Thu NSNN 2TH/2020 và 2TH/2021

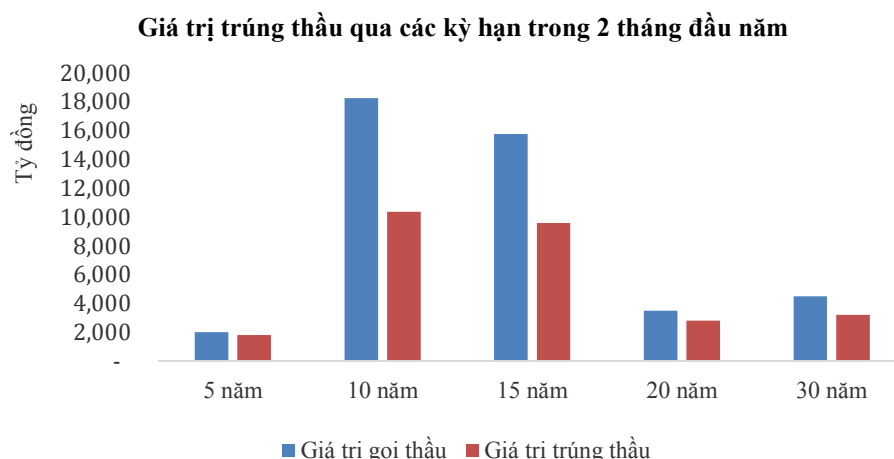


Chi NSNN 2TH/2020 và 2TH/2021



Nguồn: TCTK

Trong hai tháng đầu năm 2021, Kho bạc Nhà nước huy động thành công 27.731 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ qua đấu thầu với tổng giá trị gọi thầu là 44.000 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 63,03% thấp hơn so với tỷ lệ 75% của cùng kỳ năm trước. Như vậy, sau 2 tháng đầu năm, Kho bạc Nhà nước mới chỉ huy động được 27% khối lượng trái phiếu Chính phủ dự kiến phát hành trong quý I, tương đương với 8% kế hoạch năm. Theo kế hoạch trong quý I, Kho bạc Nhà nước sẽ đấu thầu 100.000 tỷ đồng, trong đó, trái phiếu kỳ hạn 10 và 15 năm chiếm phần lớn với tổng mức phát hành dự kiến khoảng 70.000 tỷ đồng.



Nguồn: hnx.vn

Kết thúc tháng 2, lãi suất trúng thầu của trái phiếu kỳ hạn 5 năm là 1,03%/năm, kỳ hạn 10 năm là 2,17%/năm, kỳ hạn 15 năm là 2,4%/năm, kỳ hạn 20 năm là 2,89%/năm, kỳ hạn 30 năm là 3,01%/năm.

Một số VBPL chính sách quan trọng về quản lý ngân sách được ban hành trong 2 tháng đầu năm 2021

Công văn số 891/KBN-QLNQ ngày 26/2/2021 v/v thông báo kế hoạch đấu thầu TPCP năm 2021

Theo công văn này, tổng mức phát hành trong năm 2021 là 350.000 tỷ đồng. Khối lượng dự kiến theo kỳ hạn như sau: kỳ hạn 5 năm là 20.000 tỷ đồng; kỳ hạn 7 năm là 15.000 tỷ đồng; kỳ hạn 10 năm là 120.000 tỷ đồng; kỳ hạn 15 năm là 135.000 tỷ đồng; kỳ hạn 20 năm là 30.000 tỷ đồng và kỳ hạn 30 năm là 30.000 tỷ đồng.

Công văn số 233/KBN-QLNQ ngày 15/1/2021 v/v thông báo kế hoạch đấu thầu TPCP quý I/2021

Theo công văn này, tổng mức phát hành trong quý I là 100.000 tỷ đồng. Khối lượng dự kiến theo kỳ hạn như sau: kỳ hạn 5 năm là 5.000 tỷ đồng; kỳ hạn 7 năm là 5.000 tỷ đồng; kỳ hạn 10 năm là 35.000 tỷ đồng; kỳ hạn 15 năm là 35.000 tỷ đồng; kỳ hạn 20 năm là 10.000 tỷ đồng và kỳ hạn 30 năm là 10.000 tỷ đồng.

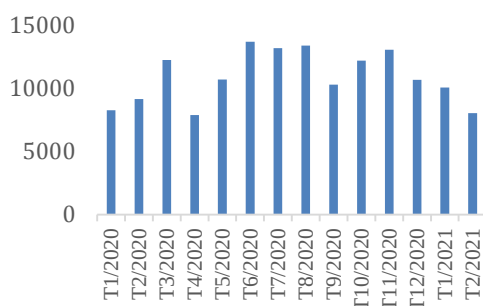
4. Tình hình doanh nghiệp

Tình hình doanh nghiệp gia nhập thị trường

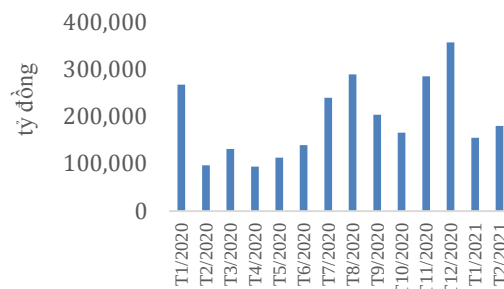
Trong tháng 01/2021, cả nước có 10.091 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 155,1 nghìn tỷ đồng, tăng 21,9% về số doanh nghiệp, tăng 25,9% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Bước sang tháng 02/2021, cả nước có 8.038 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 179,7 nghìn tỷ đồng giảm 12,3% về số doanh nghiệp, tăng 85,6% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 2 tháng đầu năm 2021, cả nước có 18.129 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 334,8 nghìn tỷ đồng, tăng 4% về số doanh nghiệp, tăng 52,2% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong 2 tháng đạt 18,5 tỷ đồng, tăng 46,4% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, trong 2 tháng đầu năm còn có 11.033 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 7,6% so với cùng kỳ năm trước.

Số doanh nghiệp thành lập mới



Vốn đăng ký kinh doanh mới



Nguồn: TCTK

Trong 2 tháng đầu năm nay có 316 doanh nghiệp thành lập mới thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng 19,2% so với cùng kỳ năm trước; 4.930 doanh nghiệp thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng, tăng 5,6%; 12.883 doanh nghiệp thuộc khu vực dịch vụ, tăng 3%. Trong đó, các doanh nghiệp thành lập mới tiếp tục gia tăng ở các lĩnh vực như sản xuất phân phối điện, nước, ga; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; kinh doanh bất động sản; khai khoáng; công nghiệp chế biến, chế tạo; bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy; vận tải kho bãi; khoa học, công nghệ, dịch vụ tư vấn, thiết kế, quảng cáo và chuyên môn khác; xây dựng với mức tăng giao động từ 0,2 – 60,7%.

**Tình hình
doanh nghiệp
rút ra khỏi thị
trường**

Trong 2 tháng đầu năm, trên cả nước có 21.636 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 34% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, số doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể là 8.380 doanh nghiệp giảm 10,7%; số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể là 3.595 doanh nghiệp, tăng 28,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó có 3.200 doanh nghiệp có quy mô vốn dưới 10 tỷ đồng, tăng 28,5%.

Các doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực: bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy có 1.335 doanh nghiệp; công nghiệp chế biến, chế tạo có 438 doanh nghiệp; xây dựng có 305 doanh nghiệp; khoa học, công nghệ, dịch vụ tư vấn thiết kế, quảng cáo và chuyên môn khác có 226 doanh nghiệp; dịch vụ lưu trú và ăn uống có 199 doanh nghiệp; dịch vụ việc làm, du lịch, cho thuê máy móc thiết bị, đồ dùng, các

dịch vụ hỗ trợ khác có 178 doanh nghiệp; kinh doanh bất động sản và vận tải, kho bãi đều có 167 doanh nghiệp; giáo dục, đào tạo có 138 doanh nghiệp; thông tin truyền thông có 113 doanh nghiệp; sản xuất phân phối điện, nước, gas 80 doanh nghiệp.

Tình hình doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và tạm ngừng kinh doanh có thời hạn



Nguồn: TCTK

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ, CHỨNG KHOÁN

Một số VBPL chính sách quan trọng điều tiết hoạt động trên thị trường tiền tệ, ngân hàng được ban hành trong 2 tháng đầu năm 2021

Chỉ thị 01/CT-NHNN ngày 07/01/2021 về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Ngân hàng trong năm 2021

Chỉ thị nêu rõ các mục tiêu và nhiệm vụ tổng quát của ngành Ngân hàng trong năm 2021, bao gồm:

(i) Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu năm 2021 bình quân khoảng 4%, hỗ trợ ổn định kinh tế vĩ mô, góp phần phục hồi tăng trưởng kinh tế, duy trì ổn định thị trường tiền tệ và ngoại hối. Năm 2021, định hướng tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 12%; mức tăng trưởng tín dụng khoảng 12% và sẽ được điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế. Tăng trưởng tín dụng hợp lý gắn với nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên. Kiểm soát chặt tín dụng trong lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Tiếp tục tháo gỡ khó khăn về tín dụng cho người dân, doanh nghiệp bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

(ii) Tiếp tục thực hiện các giải pháp cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng (TCTD), nhất là các TCTD yếu kém. Tích cực triển khai các biện pháp xử lý nợ xấu, kiểm soát và hạn chế nợ xấu mới phát sinh. Tăng cường củng cố, chấn chỉnh hoạt động của hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND), bảo đảm hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích. Tăng cường công tác thanh tra, giám sát hoạt động của TCTD, đặc biệt là đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao, đảm bảo an toàn, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

(iii) Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM), chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng, đổi mới, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, mở rộng hệ sinh thái số để phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng. Giám sát các hệ thống thanh toán đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả; giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật; tăng cường an ninh, an toàn trong thanh toán điện tử, thanh toán thẻ. Tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, cơ chế, chính sách về thanh toán đảm bảo đồng bộ, đáp ứng sự thay đổi nhanh chóng về công nghệ và sự phát triển các mô hình, dịch vụ thanh toán mới.

(iv) Tập trung triển khai hiệu quả, thực chất cải cách hành chính (CCHC) nhằm kiến tạo môi trường kinh doanh nói chung và trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng nói riêng thông thoáng, thuận lợi hơn, hỗ trợ thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương, thượng tôn pháp luật.

(v) Tiếp tục triển khai việc thực hiện Chiến lược phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; các Chương trình/Kế hoạch hành động và các Đề án của Ngành đã ban hành.

Chỉ thị 02/CT-NHNN ngày 07/01/2021 về tăng cường phòng, chống, ngăn ngừa vi phạm pháp luật trong hoạt động thẻ ngân hàng

Theo đó, các tổ chức phát hành thẻ và tổ chức thanh toán thẻ phối hợp với tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán giám sát, kiểm tra, rà soát các giao dịch thẻ phát sinh tại đơn vị chấp nhận thẻ (ĐVCNT) nhằm ngăn chặn:

Thứ nhất là, việc sử dụng hạn mức thẻ tín dụng để chuyển tiền, ghi có vào tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ hoặc thẻ trả trước của khách hàng hoặc bên thứ ba (không phải ĐVCNT).

Thứ hai là, giao dịch thanh toán không tại ĐVCNT (không phát sinh việc mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ) với mục đích rút tiền mặt.

Thứ ba là, giao dịch thẻ không phù hợp quy định của pháp luật (liên quan đến hoạt động trò chơi có thưởng, cờ bạc, cá độ, kinh doanh ngoại hối, chứng khoán, tiền ảo, tiền điện tử...).

Đồng thời, tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn để khách hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, ĐVCNT hiểu rõ và sử dụng dịch vụ thẻ an toàn, tuân thủ quy định pháp luật: chủ động chia sẻ, trao đổi thông tin giữa các tổ chức phát hành thẻ và tổ chức thanh toán thẻ nhằm kịp thời phát hiện các giao dịch đáng ngờ.

Bên cạnh đó, khuyến cáo, cảnh báo khách hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, ĐVCNT không sử dụng hoặc tạo điều kiện cho các đối tượng khác lợi dụng việc sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ngân hàng vào mục đích vi phạm pháp luật, như cho thuê, cho mượn tài khoản thanh toán, mua, bán, thuê, cho thuê thẻ hoặc thông tin thẻ, mở hộ thẻ,...

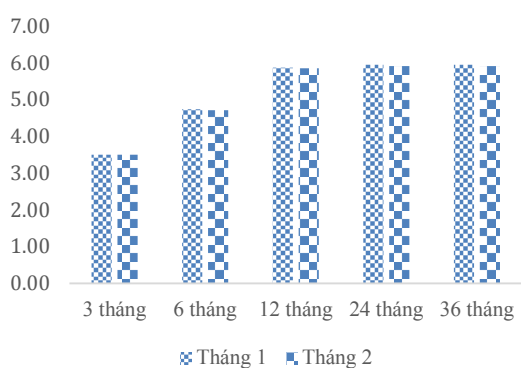
Lãi suất huy động tiếp tục giảm

Lãi suất huy động trong khối các NHTM trong 02 tháng đầu năm đã có diễn biến không giống như cùng kỳ năm ngoái, thay vào đó lãi suất đã duy trì được xu hướng giảm liên tục trong cả 02 khối NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước và NHTM CP.

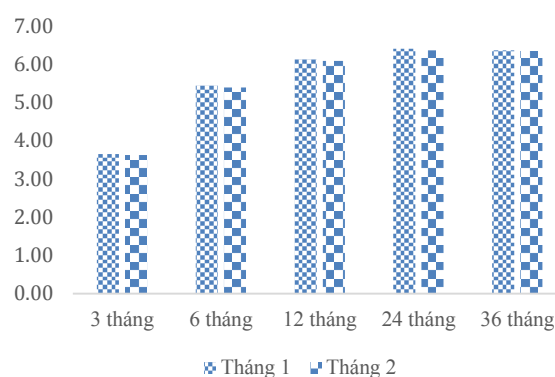
Tính đến cuối tháng 2, lãi suất huy động bình quân trong khối NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước (bao gồm 03 ngân hàng TNHH MTV) đã giảm khoảng 0,01 điểm phần trăm đối với lãi suất kỳ hạn huy động 03 tháng; giảm 0,11 – 0,13 điểm phần trăm đối với kỳ hạn huy động từ 6 tháng trở lên. Trong đó, diễn biến giảm của lãi suất huy động đã xuất hiện tại 03 ngân hàng TNHH MTV và Vietcombank. Trong 04 NHTM có vốn Nhà nước lớn, lãi suất huy động của Vietcombank hiện ở mức thấp nhất, thấp hơn khoảng 0,1 – 0,3 điểm phần trăm. Kết thúc tháng 2, lãi suất huy động kỳ hạn 3 tháng trong 04 NHTM có vốn Nhà nước lớn giao dịch trong khoảng 3,2 – 3,4%/năm; kỳ hạn huy động từ 6 tháng trở lên trong khoảng 3,8 – 5,6%/năm.

Bên cạnh đó, lãi suất huy động bình quân trong khối NHTM CP cũng đã giảm khoảng 0,05 điểm phần trăm đối với kỳ hạn huy động 3 tháng so với cuối năm ngoái; 0,15 điểm phần trăm đối với kỳ hạn huy động 6 tháng và 0,14 điểm phần trăm đối với kỳ hạn huy động từ 12 tháng trở lên. Trong 2 tháng giao dịch, diễn biến giảm xuất hiện trên 10 ngân hàng trong số 28 ngân hàng khảo sát và đáng chú ý là vào tháng 2 đã có 03 ngân hàng tăng lãi suất huy động kỳ hạn 3 tháng trong khoảng 0,1 – 0,2 điểm phần trăm và kỳ hạn dài trong khoảng 0,4 – 0,7 điểm phần trăm. Kết thúc tháng 2, lãi suất huy động kỳ hạn 3 tháng giao động trong khoảng 2,9 – 4%/năm; kỳ hạn huy động 6 tháng là 4,1 – 6,2%/năm; kỳ hạn 12 tháng trở lên trong khoảng 4,8 – 7,3%/năm.

Diễn biến lãi suất huy động bình quân của Khối NHTM Nhà nước



Diễn biến lãi suất huy động bình quân Khối NHTM Cổ phần



Nguồn: tổng hợp

Lãi suất cho vay nền kinh tế tiếp tục duy trì xu hướng ổn định, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số ngành lĩnh vực ưu tiên ở mức 4,5%/năm.

Bên cạnh đó, lãi suất cho vay USD phổ biến ở mức 3 – 6%/năm; trong đó lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 3 – 4,5%/năm, lãi suất cho vay trung, dài hạn ở mức 4,2 – 6%/năm.

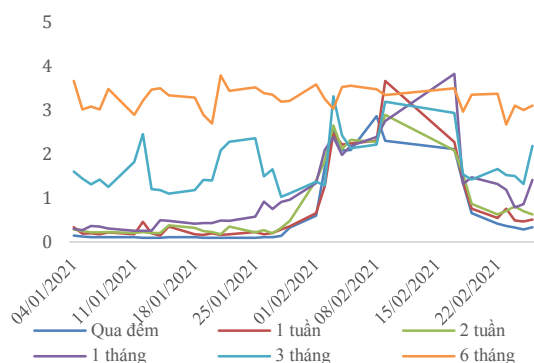
Lãi suất liên ngân hàng có diễn biến tăng đối với kỳ hạn ngắn

Trong 2 tháng đầu năm, lãi suất liên ngân hàng đã có diễn biến tăng liên tục qua các tháng đối với hầu hết các kỳ hạn, ngoại trừ kỳ hạn 3 tháng, 6 tháng. So với tháng 12/2020, lãi suất liên ngân hàng qua 2 tháng giao dịch đã tăng trong khoảng 0,19 – 0,99 điểm phần trăm, trong đó, lãi suất kỳ hạn 1 tháng và 12 tháng đều tăng lớn hơn 0,9 điểm phần trăm. Lãi suất liên ngân hàng qua đêm có phần ít biến động hơn trong tháng 1; ghi nhận 03 ngày tăng mạnh trong tháng 2, giao động từ 0,27 – 1,08 điểm phần trăm trước khi có chuỗi giảm liên tục từ ngày 9 – 25/2.

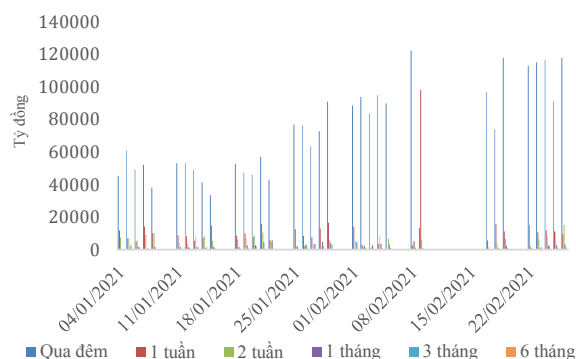
Bên cạnh đó, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn 3 – 6 tháng đã giảm lần lượt là 0,15 và 0,34 điểm phần trăm so với cuối năm ngoái. Lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn 3 tháng có diễn biến giảm 1,22 điểm phần trăm trong tháng 1 và tăng 1,07 điểm phần trăm trong tháng 2, trong khi lãi suất kỳ hạn 6 tháng đã giảm liên tục qua 2 tháng giao dịch, lần lượt là 0,23 và 0,11 điểm phần trăm.

Kết thúc tháng 2, lãi suất liên ngân hàng các kỳ hạn ngắn (qua đêm, 1 tuần, 2 tuần) giao dịch lần lượt ở mức 0,34%/năm; 0,51%/năm; 0,63%/năm và kỳ hạn từ 1 tháng trở lên giao dịch lần lượt ở mức 1,41%/năm; 2,18%/năm; 3,1%/năm và 4,03%/năm.

Diễn biến lãi suất liên ngân hàng



Doanh số giao dịch liên ngân hàng



Nguồn: NHNN

Tỷ giá điều hành ổn định, tỷ giá giao dịch đã có diễn biến trái chiều

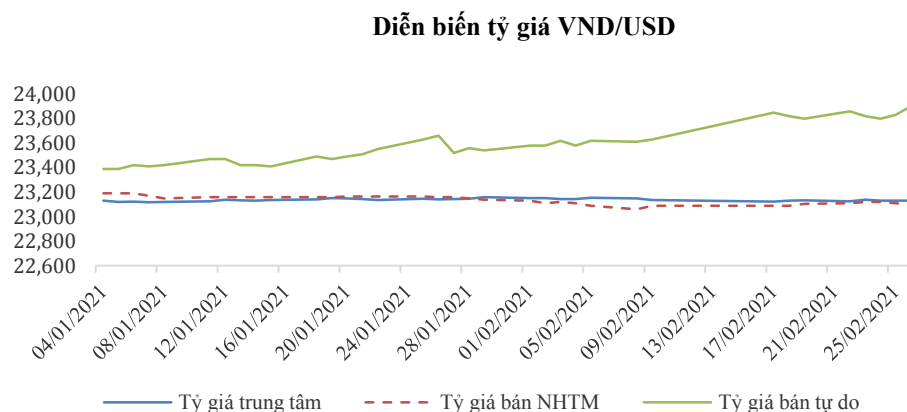
Trong bối cảnh chỉ số USD Index trên thị trường quốc tế tăng trở lại nhưng cung cầu ngoại tệ trong nền kinh tế ổn định, tỷ giá trung tâm đã được điều chỉnh hợp lý theo ngày giao dịch, gần như không đổi qua hai tháng giao dịch so với tháng 12/2020 - diễn biến này đã ổn định hơn so với cùng kỳ năm ngoái⁹, trong đó, tỷ giá trung tâm đã tăng 0,13% trong tháng 1 và giảm đúng bằng mức tăng này trong tháng 2. Tỷ giá trung tâm được điều chỉnh tăng giảm phổ biến trong khoảng 0,01 – 0,03%/ngày giao dịch, mức độ điều chỉnh mạnh nhất là 0,05 – 0,06%/ngày giao dịch, tương ứng khoảng 12 – 15 đồng. Trong đó, diễn biến giảm xuất hiện chủ yếu trong tháng 2, tỷ giá trung tâm đã được điều chỉnh giảm mạnh 0,06% ngay sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán. Bên cạnh đó, tỷ giá bán tham khảo trên Sở giao dịch NHNN cũng có diễn biến tương tự. Kết thúc tháng 2/2021, tỷ giá trung tâm chốt ở mức 23.130 USD/VND; tỷ giá bán tham khảo trên Sở giao dịch NHNN ở mức 23.774 USD/VND.

Trên cơ sở đó, tỷ giá giao dịch của các NHTM tiếp tục xu hướng giảm từ cuối năm ngoái, giảm trong khoảng 0,22 – 0,33% đối với tỷ giá mua vào - bán ra trong tháng 1 và giảm phổ biến ở mức 0,17% trong tháng 2. Tỷ giá giao dịch tại các NHTM được điều chỉnh giảm trong khoảng 0,04 – 0,09%/ngày giao dịch, tương đương 10 – 20 đồng, trong đó, đáng chú ý là cả tỷ giá mua và giá bán tại các NHTM giữ xu hướng đi ngang trong khoảng thời gian từ ngày 8 - 27/1. Tính đến cuối tháng 2, tỷ giá bán của các NHTM thậm chí còn thấp hơn tỷ giá trung tâm của NHNN, tỷ giá giao dịch tại thời điểm khảo sát tại Vietcombank ở mức 22.920 – 23.100 (mua vào – bán ra), Eximbank ở mức 22.920 – 23.090 (mua vào – bán ra).

Trong khi đó, tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do lại có diễn biến theo sát chỉ số USD Index trên thị trường quốc tế, tiếp tục nối dài chuỗi tăng từ cuối năm ngoái. Mặc dù, tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do có xu hướng diễn biến tương đồng với 2 tháng đầu năm 2020 nhưng mức độ biến động đã

⁹ Tỷ giá trung tâm 2 tháng đầu năm 2020 tăng 0,3%

mạnh hơn. Theo đó, tỷ giá mua – bán trên thị trường này theo số liệu tại thời điểm khảo sát đã tăng lần lượt là 0,77 – 0,81% (mua vào – bán ra) trong tháng 1 và tăng 1,45 – 1,52% (mua vào – bán ra) trong tháng 2. Như vậy qua 2 tháng, tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do đã tăng hơn 2% so với cuối năm 2020. Kết thúc tháng 2, tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do tại thời điểm khảo sát giao dịch ở mức 23.800 – 23.900 USD/VND (mua vào – bán ra).



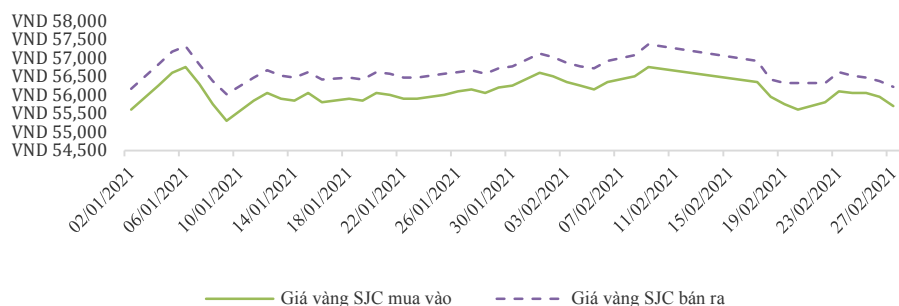
Nguồn: NHNN

Giá vàng đã có diễn biến ngược chiều với giá vàng quốc tế

Trong 2 tháng đầu năm, theo số liệu tổng hợp giá vàng SJC giao dịch trong nền kinh tế tiếp tục giữ được xu hướng tăng trong tháng 1, tăng 1,28 – 1,18% (mua vào – bán ra) và đã đảo chiều giảm trong tháng 2, ở mức 0,97 – 0,96% (mua vào – bán ra). Như vậy, so với diễn biến giảm tương đối của giá vàng quốc tế trong 2 tháng đầu năm thì giá vàng SJC bán ra giao dịch trong nước lại tăng nhẹ khoảng 0,2%. Mặc dù vậy, diễn biến của giá vàng trong nước vẫn bị ảnh hưởng bởi đà giảm của thế giới, yếu tố mùa vụ chỉ có ảnh hưởng rất ngắn hạn đến diễn biến của giá vàng. Giá vàng SJC bán ra đã tuột khỏi mốc giá giao dịch trên 57 triệu đồng/lượng ngay vào những ngày đầu của tháng 1, sau đó giao động phổ biến trong khoảng từ 56,42 – 56,77 triệu đồng/lượng. Bước sang tháng 2, mức giá cao trên 57 triệu đồng/lượng cũng đã được thiết lập lại trong khoảng thời gian trước Tết Nguyên đán nhưng cũng chỉ xuất hiện trong khoảng 02 ngày giao dịch. Đồng thời, giá vàng cũng không tăng nhiều trong những ngày giao dịch trước ngày vía thần tài, thậm chí giá vàng SJC mua vào và bán ra đều có điều chỉnh giảm theo xu hướng của giá vàng quốc tế trong những ngày tiếp theo.

Trong 2 tháng giao dịch, do có diễn biến ngược chiều và mức độ biến động thấp hơn giá vàng quốc tế cùng với diễn biến tỷ giá ổn định nên chênh lệch giá vàng trong nước và quốc tế liên tục xác lập các mức cao mới, có thời điểm trong tháng 2 vượt 8 triệu đồng/lượng, chênh lệch phổ biến ở mức 4 – 5 triệu đồng/lượng trong tháng 1 và hơn 6 triệu đồng/lượng trong tháng 2. Kết thúc tháng 2, giá vàng SJC giao dịch tại thời điểm khảo sát là 55,70 – 56,22 triệu đồng/lượng (mua vào – bán ra).

Diễn biến giá vàng trong nước

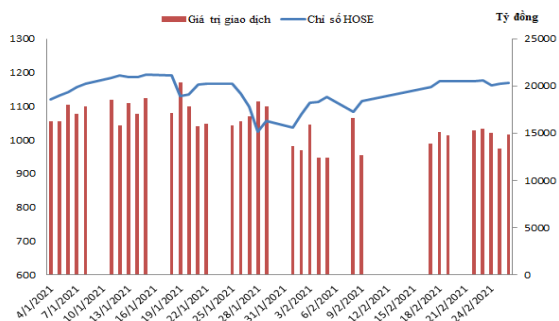


Nguồn: sjc.com.vn

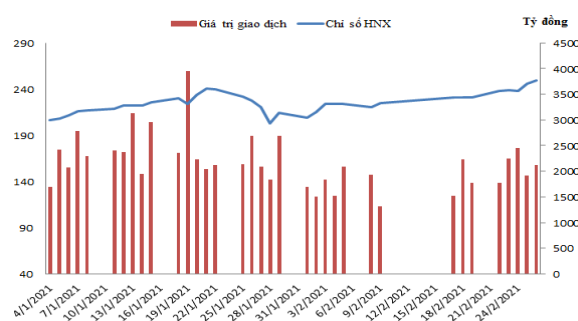
Thị trường chứng khoán Việt Nam diễn biến tích cực

Trong 2 tháng đầu năm, thị trường chứng khoán Việt Nam có diễn biến tích cực ở cả 3 chỉ số chính nhờ nỗ lực kiểm soát tốt dịch bệnh cùng việc duy trì ổn định kinh tế vĩ mô. Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng 2, chỉ số VN-Index đạt 1.168,47 điểm, tăng 10,59% so với cuối tháng 01/2021 và tăng 5,85% so với cuối năm 2020, chỉ số HNX-Index đạt 249,22 điểm, tăng 16,34% so với cuối tháng 01/2021 và tăng 22,70% so với cuối năm 2020, chỉ số UPCOM-Index đạt 76,64 điểm, tăng 6,33% so với cuối tháng 01/2021 và tăng 2,94% so với cuối năm 2020. Trong đó, ngành công nghệ thông tin (VNIT), năng lượng (VNENE) và tài chính (VNFN) là những nhóm ngành có tốc độ tăng trưởng cao trong tháng 2¹⁰.

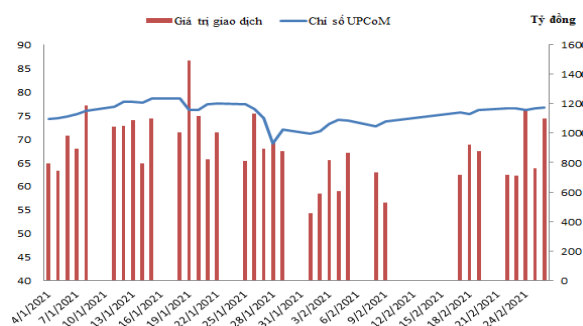
Diễn biến chỉ số HOSE 2 tháng đầu năm 2021



Diễn biến chỉ số HNX 2 tháng đầu năm 2021



Diễn biến chỉ số UPCOM 2 tháng đầu năm 2021

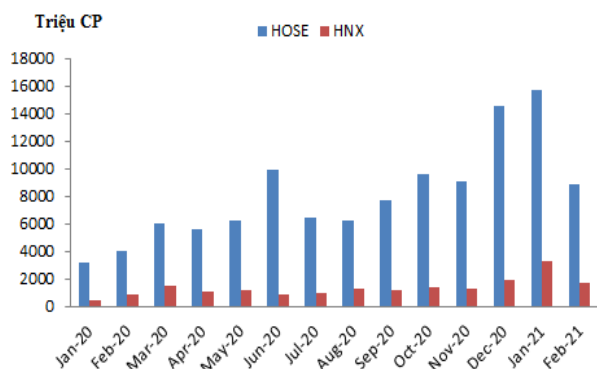


Nguồn: UBCK

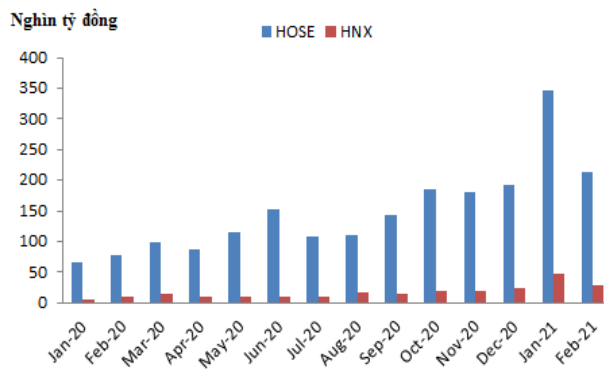
¹⁰ Ngành công nghệ thông tin (VNIT) tăng 21,41%, năng lượng (VNENE) tăng 19,72% và tài chính (VNFN) tăng 17,28%.

Thanh khoản thị trường tháng 1 giao dịch rất sôi động khi liên tiếp lập những kỷ lục mới. Tổng khối lượng giao dịch trên cả hai sàn HOSE và HNX trong tháng 1 đạt 19,1 tỷ cổ phiếu với giá trị giao dịch đạt 391,1 nghìn tỷ đồng¹¹, lần lượt tăng 413,71% và 453,2% so với cùng kỳ năm 2020. Sang tháng 2, thanh khoản thị trường đã giảm đáng kể so với tháng 1 khi tổng khối lượng giao dịch ở mức 10,6 tỷ cổ phiếu với giá trị giao dịch đạt 242,4 nghìn tỷ đồng¹², tăng 114,4% và 240,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Khối lượng giao dịch giai đoạn 1/2020 - 2/2021



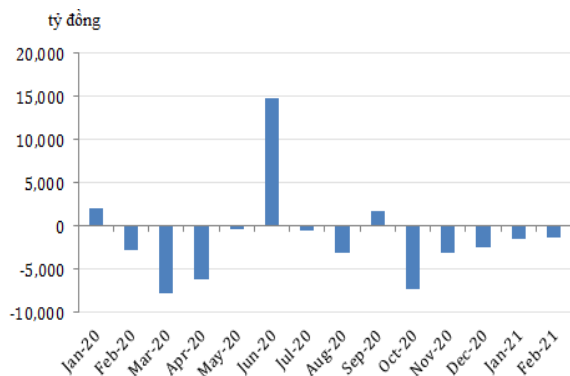
Giá trị giao dịch giai đoạn 1/2020 - 2/2021



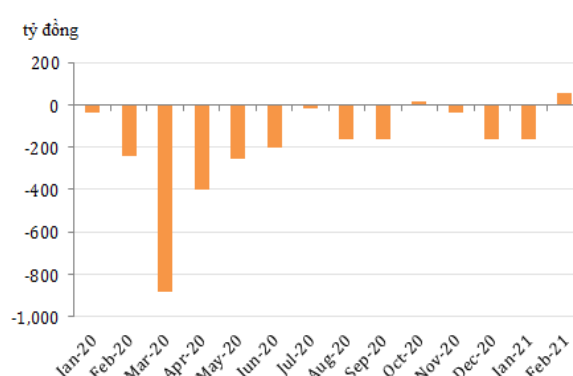
Nguồn: UBCK

Trên sàn HOSE, khối ngoại duy trì trạng thái bán ròng liên tục trong cả hai tháng đầu năm 2021 với mức bán ròng 1.537,42 tỷ đồng trong tháng 1 và 1.380,46 tỷ đồng trong tháng 2, kéo dài chuỗi bán ròng 5 tháng liên tiếp kể từ tháng 10/2020. Trong khi đó, trên sàn HNX, khối ngoại bán ròng 160,23 tỷ đồng trong tháng 1 và mua ròng 53,4 tỷ đồng trong tháng 2, đánh dấu tháng mua ròng đầu tiên kể từ tháng 12/2019 (mua ròng tập trung ở các mã NVB, SHS, APS, SHB). Tính chung trên cả hai sàn, khối ngoại đã bán ròng 1.697,65 tỷ đồng trong tháng 1 và 1.327,06 tỷ đồng trong tháng 2/2021.

Khối ngoại mua bán ròng trên sàn HOSE giai đoạn 1/2020 - 2/2021



Khối ngoại mua bán ròng trên sàn HNX giai đoạn 1/2020 - 2/2021



¹¹ Trên sàn HOSE, khối lượng giao dịch đạt 15,7 tỷ cổ phiếu với giá trị giao dịch đạt 345,8 nghìn tỷ đồng. Trên sàn HNX, khối lượng giao dịch đạt 3,4 tỷ cổ phiếu với giá trị giao dịch đạt 48,4 nghìn tỷ đồng.

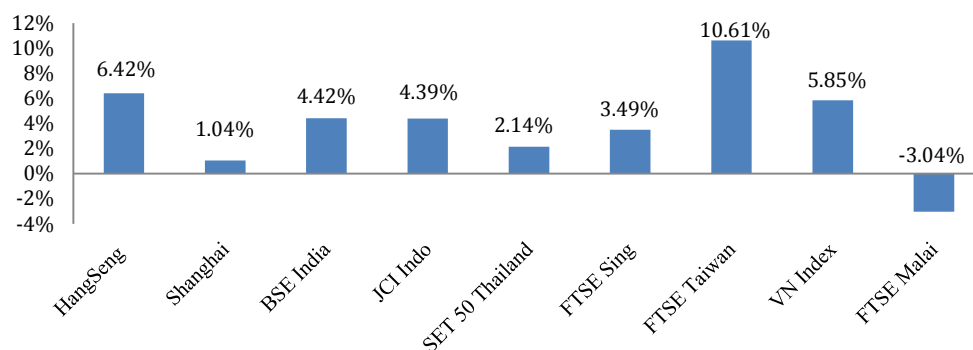
¹² Trên sàn HOSE, khối lượng giao dịch đạt 8,9 tỷ cổ phiếu với giá trị giao dịch đạt 214,5 nghìn tỷ đồng. Trên sàn HNX, khối lượng giao dịch đạt 1,7 tỷ cổ phiếu với giá trị giao dịch đạt 27,9 nghìn tỷ đồng.

Nguồn: UBCK Nhà nước

Tính đến cuối tháng 02/2021, giá trị vốn hóa thị trường trên sàn HOSE đạt 4,36 triệu tỉ đồng, tăng 6,9% so với cuối năm 2020. Giá trị vốn hóa thị trường trên sàn HNX đạt khoảng 285,4 nghìn tỷ đồng, tăng 12,5% so với cuối năm 2020. Tính chung trên cả hai sàn, tổng giá trị vốn hóa thị trường đạt 4,65 triệu tỷ đồng.

Trong hai tháng đầu năm 2021, thị trường chứng khoán Việt Nam thuộc nhóm các thị trường chứng khoán có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực.

Mức biến động của một số chỉ số chủ chốt khu vực Châu Á trong 2 tháng đầu năm 2021



Nguồn: Bloomberg